

Số: 1125/QĐ-BV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt E-HSMT**

**gói thầu Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025  
thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm  
2025 thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025**

**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỦ ĐỨC**

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức lại Bệnh viện quận Thủ Đức thành Bệnh viện thành phố Thủ Đức trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-SYT ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện thành phố Thủ Đức trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đổi tên "Bệnh viện thành phố Thủ Đức" thành "Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức" trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 311/QĐ-BV ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức về việc phê duyệt nguồn tài chính hợp pháp dự kiến trong năm tài chính 2025-2026 thực hiện công tác mua sắm, đấu thầu tại Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-BV ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức về việc phê duyệt Kế hoạch mua sắm Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 874/QĐ-BV ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức về việc phê duyệt dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 978/QĐ-BV ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức về việc thành lập Tổ chuyên gia gói thầu Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-BV ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức về việc thành lập Tổ thẩm định gói thầu Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-BV ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức về việc phân công cá nhân thực hiện nhiệm vụ Chủ Đầu tư gói thầu Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 982/QĐ-BV ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 1292/GUQ-BV ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức về việc ủy quyền ký và phụ trách lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 01/BC-TTĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Tổ thẩm định về việc thẩm định E-HSMT gói thầu Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 01/TTr-TCG ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt E-HSMT gói thầu Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt E-HSMT gói thầu Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025 với nội dung theo phụ lục đính kèm (chi tiết theo E-HSMT đính kèm).

**Điều 2.** Giao Tổ Chuyên gia, Tổ Thẩm định và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ Chuyên gia, Tổ Thẩm định và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu VT, P.VTTBYT (S,2b).



BS. CKII. Hoàng Văn Dũng

HỒ SƠ MÔI TRƯỜNG

Số hiệu gửi thầu và số E-TBMT

IB2500520039-00

Tên gói thầu

Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025

Dự án/dự toán mua sắm

Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025

Phát hành ngày

Ban hành kèm theo quyết định

MỨC LỰC
Chương 1. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Table with 2 columns: Item number and description. Items include: 1. Phạm vi gói thầu, 2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu, 3. Nguồn vốn, 4. Hành vi bị cấm.

Table with 2 columns: Item number and description. Items include: 1. Phạm vi gói thầu, 2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu, 3. Nguồn vốn, 4. Hành vi bị cấm.



Table with 2 columns: Item number and description. Items include: 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật... 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây... 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây... 4.5. Can trở bao gồm các hành vi sau đây... 4.6. Không báo danh công bằng, minh bạch...

Table with 2 columns: Item number and description. Items include: 6. Nội dung của E-HSMT, 6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3A (hoặc Phần 3B), Phần 4 cũng với tài liệu sửa đổi... 6.2. Chỉ dẫn từ sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT...

<p><b>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</b></p>	<p>tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phi hợp.</p>
<p><b>8. Chi phí dự thầu</b></p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trước thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và báo đảm đã thời gian báo đảm của nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không báo đảm đủ thời gian như trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chấp nhận theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có chức hội tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận dự tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong một trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>

<p><b>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</b></p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT (attachment...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p><b>10. Thành phần của E-HSDT</b></p>	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Báo đảm tiền theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được gửi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
<p><b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b></p>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.</p>
<p><b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</b></p>	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó phải được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chức gia công có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, bảng so sánh kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
<p><b>13. Giá dự thầu và thông tin xuất như sau:</b></p>	<p>Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa không phải là mua sắm tập trung mà việc lựa chọn nhà thầu căn cứ theo khả năng cung cấp, Hệ thống trích xuất như sau:</p> <p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này; Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ đồng thời trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11.1 hoặc Mẫu số 11.2 Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>a) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu; b) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi ý lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, nhà thầu phải ghi giá dự thầu được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong tài liệu đính kèm.</p>

	<p>trong các cột "Danh mục hàng hóa", "Mô tả dịch vụ", theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi ý lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi ý lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư có ý tình huống theo quy định tại Khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa là mua sắm tập trung mà việc lựa chọn nhà thầu căn cứ theo khả năng cung cấp, Hệ thống trích xuất như sau:</p> <p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này; a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu công việc mà nhà thầu chào theo khả năng cung cấp (chưa tính giảm giá). Hệ thống sẽ đồng thời trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11.1 hoặc Mẫu số 11.2 Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>b) Một hoặc các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và một hoặc các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi ý lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá dịch vụ, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu nộp E-HSDT cho các công việc mà nhà thầu có khả năng cung cấp trong số các công việc nêu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho các công việc này trong các cột "Danh mục hàng hóa". Mô tả dịch vụ theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu, trong một phần nhà thầu có thể chào đủ số lượng, hạng mục theo yêu cầu của E-HSMT đối với phần đó hoặc chào theo số lượng, hạng mục mà nhà thầu có khả năng cung cấp (không đủ số lượng theo E-HSMT đối với phần đó).</p>
--	--

	<p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi ý lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi ý lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư có ý tình huống theo quy định tại Khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p><b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b></p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p><b>15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</b></p>	<p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của E-HSDT.</p> <p>15.2. Thuật ngữ "hàng hóa" được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng, sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất; vật tư thí nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.</p> <p>15.3. Thuật ngữ "xuất xứ" được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế biến hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.</p> <p>15.4. Thuật ngữ "dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm, ...</p> <p>15.5. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV, đồng thời kê khai địa chỉ của nhà thầu cung cấp các dịch vụ sau bản hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ, ...</p> <p>15.6. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cột, một chi tiết...) nhưng cùng một hàng sản xuất và có cùng đơn giá thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.</p> <p>15.6. Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa thực hiện theo Mục 01A, 01B, 01C Chương IV. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đầu tư thì nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT được coi là Việt Nam thì sẽ</p>

16. <b>Tại Hội đồng minh mạng lực và kinh nghiệm của nhà nhà</b>	<p>16.1. Nhà nhà kế khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đội chiến đấu, nhà nhà phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà nhà kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà nhà được trình bày theo E-BDL.</p> <p>16.3. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyến, nhà nhà phải kê khai năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
17. <b>Thời hạn có hiệu lực của E-</b>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu</p>

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <http://mmsuamc.org.vn>

	<p>(Thời điểm kết thúc hiệu lực của báo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của báo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).</p> <p>18.3. Báo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi không nộp trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CĐNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với báo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có Kèm theo các tài liệu chứng minh bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng tất cả các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư báo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư báo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đặt đúng hợp pháp và có chữ ký đúng tên đúng trong nước hoặc chỉ những ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chỉ những doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam (tên, đồng địa chỉ (nếu có)).</p> <p>18.4. Nhà thầu không được lưu chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa báo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại E-BDL. Đối với nhà thầu được lưu chọn, báo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng ký.</p> <p>18.5. Các trường hợp phải nộp báo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng báo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:</p> <p>a) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và quản lý môi trường; chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được mời vào đội chiến đấu (nếu có);</p> <p>b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và quản lý môi trường; chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được mời vào đội chiến đấu (nếu có);</p> <p>c) Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản từ E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng môi trường; - Nhà thầu không thực hiện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày, làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, từ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thành hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, từ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2023/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, từ trường hợp bất khả kháng; - Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư báo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng báo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p>
--	--

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <http://mmsuamc.org.vn>

18. <b>Báo đảm dự thầu</b>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư báo lãnh dự thầu được quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu và Điều 68 của Luật Đấu thầu, theo quy định của E-HSDT sau khi gia hạn công thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không phải nộp bản gốc thư báo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị của E-HSDT không được phép hủy bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, từ việc gia hạn hiệu lực của báo đảm dự thầu, việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>18.1.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư báo lãnh dự thầu được quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu và Điều 68 của Luật Đấu thầu, theo quy định của E-HSDT sau khi gia hạn công thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không phải nộp bản gốc thư báo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị của E-HSDT không được phép hủy bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, từ việc gia hạn hiệu lực của báo đảm dự thầu, việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>18.1.2. Trường hợp gói thầu phải thực hiện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Trong trường hợp liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ báo đảm dự thầu nhưng báo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CĐNT, nếu báo đảm dự thầu của một thành viên danh liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị báo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CĐNT thì giá trị báo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, báo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng báo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CĐNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị báo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CĐNT thì giá trị báo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.</p> <p>18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của báo đảm dự thầu theo quy định tại E-BDL, đối với gói thầu mua sắm hàng hóa là mua sắm dự thầu mà việc lưu chọn nhà thầu của chủ đầu tư theo các tài liệu cung cấp, báo đảm dự thầu của nhà thầu mua sắm hàng hóa dự thầu nêu trong đơn dự thầu sau khi gia hạn (nếu có) vẫn có hiệu lực. Báo đảm dự thầu quy định tại E-BDL. Thời gian có hiệu lực của báo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của báo đảm dự thầu</p>
----------------------------	---

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <http://mmsuamc.org.vn>

19. <b>Thời điểm đóng thầu</b>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
20. <b>Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</b>	<p>20.1. Nộp E-HSDT. Nhà thầu nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT. Trường hợp sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước</p>

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <http://mmsuamc.org.vn>

	<p>đó để sẵn để cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSDT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSDT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSDT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngươi nộp E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSDT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSDT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p> <p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 21/2025/NĐ-CP; Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu của cuộc mua sắm (hủy E-TBMT) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 21/2025/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> <li>- Tổng số nhà thầu tham dự;</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);</li> </ul> <p>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;</li> </ul>
--	--

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mausamcong.mpi.gov.vn>

<p>- Thời gian có hiệu lực của E-HSDT;</p> <p>- Thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</p> <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần đặc lập thì phải bao gồm các thông tin và giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p> <p>22. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được gửi bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên ủy quyền giá và các văn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các văn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật và nộp thuế, tài liệu về nhân sự dự thi để được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải báo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tình hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải báo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT của phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá về các hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải đánh cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể từ làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không đồng nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSDT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không định nghĩa các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>	<p>22. Bảo mật</p> <p>23. Làm rõ E-HSDT</p>
--	---

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mausamcong.mpi.gov.vn>

<p>24. Các sai khác, đặc điểm kiến và bổ số nội dung</p>	<p>24.1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSDT;</p> <p>24.2. "Đặc điểm kiến và bổ số nội dung" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSDT;</p> <p>24.3. "Bổ số nội dung" là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSDT.</p> <p>25.1. Tổ chuyên gia xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSDT mà không có sai khác, đặt điều kiện hoặc bổ số nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bổ số nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan, gây lộn xộn đáng kể và không thông nhất với E-HSDT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng.</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSDT.</p> <p>25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 1.5 E-CDNT và Mục 1.6 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSDT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bổ số các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSDT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bổ số nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSDT.</p>
<p>26. Sai số không nghiệm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSDT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai số không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bổ số nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSDT, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai số không nghiệm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai số này không được liên quan đến bất kỳ yêu cầu nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSDT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai số không nghiệm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan.</p> <p>27.2. Trường hợp có yêu cầu dịch vụ liên quan quy định tại Mẫu số 01D Chương IV, Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu được sử dụng</p>

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mausamcong.mpi.gov.vn>

<p>dùng nhà thầu phụ. Việc bổ sung nội dung nhà thầu phụ thực hiện theo Mẫu số 09A Chương IV.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng nhà thầu phụ theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đầu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 21/2025/NĐ-CP.</p> <p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSDT; E-HSDT; đánh giá E-HSDT; E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>	<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p> <p>28.1. Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu chào thầu đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đầu thầu.</p> <p>d) Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên.</p> <p>28.2. Đối với hàng hóa quy định tại điểm a) khoản 1 Điều 10 của Luật Đầu thầu, việc xác định hàng hóa được ưu đãi được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, không xác định theo quy định tại Mục 28.3 E-CDNT;</p> <p>28.3. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng E-HSDT. Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên trong giá hàng hóa. Việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam có thể áp dụng công thức trực tiếp hoặc công thức gián tiếp sau:</p> <p>Công thức trực tiếp: <math>D (\%) = G^* / G \times 100\%</math></p> <p>Công thức gián tiếp: <math>D (\%) = (G - C) / G \times 100\%</math></p> <p>Trong đó:</p>
---	--

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mausamcong.mpi.gov.vn>



<p>G* - Là chỉ phí sản xuất trong nước</p> <p>C* - Là giá chào của hàng hóa trong E-HSĐT trừ đi giá trị thuế; đối với nhà thầu là nhà sản xuất thì G là giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa</p> <p>C: Là giá trị của các phi nhập ngoại, không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu</p> <p>D: Là tỷ lệ % của phí sản xuất trong nước của hàng hóa. D = 30% thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại các d từ 6, 7, 8, 9, 10 và 11 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>28.4. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.5. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa mà được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 15A và 15B hoặc 15C Chương IV để làm cơ sở xác minh, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng hưởng ưu đãi. Trường hợp nhà thầu đã kê khai mà không kê khai đủ nội dung Mẫu số 15A và 15B hoặc 15C Chương IV nhưng không kèm các tài liệu chứng minh thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT, bổ sung tài liệu để xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp các nhà thầu chào hàng hóa có cùng ký mã hiệu (đơn vị) hàng sản xuất, nhập khẩu của Việt Nam nhưng có nhà thầu kê khai, có nhà thầu không kê khai hàng hóa này hoặc đối tượng ưu đãi thì chủ đầu tư quyết định cho các nhà thầu không kê khai ưu đãi được làm rõ để cơ sở đánh giá ưu đãi đối với các hàng hóa này.</p> <p>28.6. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đấu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi:</p> <p>28.8. Các tài liệu khác theo quy định tại E-BDL.</p>	<p><b>29. Đánh giá E-HSĐT</b></p> <p>29.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSĐT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSĐT tại Mục 29.1 E-CĐNT, tổ chuyên gia chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSĐT quy định tại Mục 29.3 hoặc Mục 29.4 Mục này cho phù hợp để đánh giá E-HSĐT.</p> <p>29.3. Quy trình 1 áp dụng đối với phương pháp "giá danh giá" và "giá thấp nhất":</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III</p> <p>- Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở các nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung:</p> <p>+ Trừ cách hợp lệ của nhà thầu.</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động) với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đầu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.</p> <p>Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu kết không trúng thầu dẫn làm sai lệch kết quả sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p>
---	--

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mumuc.com.vn/gov.vn>

<p>b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CĐNT.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CĐNT.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá và ký thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CĐNT.</p> <p>đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>Trường hợp E-HSĐT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.</p> <p>29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSĐT:</p> <p>a) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm tự động hóa quy trình, nhà thầu không có nhân sự bị T. án án kết án có hành vi vi phạm quy định về đầu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc do kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt", Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSĐT không trung thực dẫn làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSĐT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.</p> <p>b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về báo cáo dự thầu mà nhà thầu kê khai trên website và thông tin trong file scan báo cáo dự thầu đính kèm (đối với trường hợp nộp dự thầu như bản ảnh do nhà thầu gửi) chứng nhận báo hiểm bảo lãnh hàng vận ban giấy) để đánh giá.</p> <p>c) Trường hợp có sự không đồng nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên website và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đã thi Công đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ nội dung tương tự trên website. Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cấp nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại.</p> <p>d) Trường hợp nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã hợp đồng cho hợp đồng khác có thời gian làm việc tương tự thời gian thực hiện gói thầu này). Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung tài liệu. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu có ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả đánh giá thì chủ đầu tư nhà thầu không được thực hiện sự chủ chốt khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản a Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu được xếp hạng</p>	<p><b>30. Đối chiếu tài liệu</b></p> <p>30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của Chủ đầu tư để Chủ đầu tư 16 chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc báo cáo dự thầu (đối với trường hợp nộp dự thầu như bản ảnh hoặc giấy chứng nhận báo hiểm bảo lãnh hàng vận ban giấy) hoặc tên nhà thầu Séc chi theo quy định tại Mục 13.8 E-CĐNT.</p> <p>b) Đối với nhà thầu tự cấp nhân sự làm việc thuộc Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của nhân sự làm việc phải nộp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh.</p>
--	---

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mumuc.com.vn/gov.vn>

<p>- Hệ thống tự động đánh giá về trình thái bị tạm ngưng, chậm dự thầu qua Hệ thống của Nhà thầu.</p> <p>- Tổ chuyên gia đánh giá tình hợp lệ của báo cáo dự thầu, thừa thành lập đơn (đối với trường hợp liên danh).</p> <p>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III</p> <p>- Hệ thống tự động đánh giá các nội dung: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSĐT.</p> <p>- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự năng lực sản xuất hàng hóa. Trường hợp E-HSĐT có yêu cầu về hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên website và tài liệu đính kèm để đánh giá.</p> <p>- Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.</p> <p>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III và thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần nhà thầu xếp hạng nhà thầu.</p> <p>Đối với mua sắm trang bị dụng cụ chọn nhà thầu theo nhà thầu cung cấp, danh sách xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ thấp đến cao giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) tính trên mỗi đơn vị hàng mua sắm của nhà thầu dự thầu.</p> <p>c) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CĐNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thì trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì một nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo nhà thầu cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là 03 hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao danh báo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không thấp hơn số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT.</p> <p>29.4. Quy trình 2 (chọn áp dụng đối với phương pháp "giá thấp nhất", các nhà thầu, E-HSĐT đầu không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu từ lên cùng xếp thứ nhất).</p> <p>a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá E-HSĐT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất.</p>	<p>thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSĐT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế làm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do nhân sự chủ chốt E-HSĐT kê khai hơn so với dự kiến trong kế hoạch kê khai nhà thầu ký lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt nhưng phải báo danh nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi dự thầu.</p> <p>đ) Đối với xuất bản báo cáo hàng hóa, trường hợp có sự không đồng nhất giữa thông tin kê khai trên website và file đính kèm thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu rõ E-HSĐT.</p> <p>e) Đối với các nội dung ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này, trường hợp có sự không đồng nhất giữa thông tin kê khai trên website và file đính kèm thì thông tin trên website là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>g) Tài bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biên bản và ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước để làm cơ sở làm toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi.</p> <p>h) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT. Đối với các nội dung về tình hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hàng năm, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm là "giấy" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT mà tổ chuyên gia đánh giá tại 16 chức "đạt" thì tổ chuyên gia chỉ cần tra cứu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thì trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì một nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hàng năm, kết quả hoạt động tài chính từ năm 2021 trở đi, chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cấp nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p>
--	---

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mumuc.com.vn/gov.vn>

<p>thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSĐT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế làm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do nhân sự chủ chốt E-HSĐT kê khai hơn so với dự kiến trong kế hoạch kê khai nhà thầu ký lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt nhưng phải báo danh nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi dự thầu.</p> <p>đ) Đối với xuất bản báo cáo hàng hóa, trường hợp có sự không đồng nhất giữa thông tin kê khai trên website và file đính kèm thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu rõ E-HSĐT.</p> <p>e) Đối với các nội dung ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này, trường hợp có sự không đồng nhất giữa thông tin kê khai trên website và file đính kèm thì thông tin trên website là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>g) Tài bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biên bản và ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước để làm cơ sở làm toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi.</p> <p>h) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT. Đối với các nội dung về tình hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hàng năm, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm là "giấy" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT mà tổ chuyên gia đánh giá tại 16 chức "đạt" thì tổ chuyên gia chỉ cần tra cứu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thì trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì một nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hàng năm, kết quả hoạt động tài chính từ năm 2021 trở đi, chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cấp nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p>	<p><b>30. Đối chiếu tài liệu</b></p> <p>30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của Chủ đầu tư để Chủ đầu tư 16 chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc báo cáo dự thầu (đối với trường hợp nộp dự thầu như bản ảnh hoặc giấy chứng nhận báo hiểm bảo lãnh hàng vận ban giấy) hoặc tên nhà thầu Séc chi theo quy định tại Mục 13.8 E-CĐNT.</p> <p>b) Đối với nhà thầu tự cấp nhân sự làm việc thuộc Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của nhân sự làm việc phải nộp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh.</p>
---	---

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mumuc.com.vn/gov.vn>

<p>c) Đối với nhà thầu tự cấp nhất số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phụ lục kèm theo số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất tài liệu để chứng minh;</p> <p>d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất);</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có); bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>e) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là tổ hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao đảm bảo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không thấp hơn số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT.</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu . Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cấp nhất không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDDT.</p> <p>30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của báo lãnh dự thầu (đối với báo đảm dự thầu có giá trị dưới 02 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở báo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư."</p> <p>Nhà thầu được xem xét, để nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngưng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư căn cứ vào yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E- BDL ;</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p>
<p>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>32. Hủy thầu</p>

<p>- Gửi trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu. - Thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, Chủ đầu tư phải đính tài các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên hàng hóa;</li> <li>- Công suất;</li> <li>- Tình năng, thông số kỹ thuật; ký mã hiệu, nhãn hiệu;</li> <li>- Xuất xứ;</li> <li>- Đơn giá trúng thầu.</li> </ul> <p>d) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và làm đất về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDDT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> <p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thiết bị:</p> <p>Trước khi hợp đồng kết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng hàng hóa, dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đầu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng hàng hóa, dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để định giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phần chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p> <p>Sau khi Chủ đầu tư đính tài thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Phần 4 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDDT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính từ theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDDT.</p>	<p>34. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ</p> <p>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>
--	--

<p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt; đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đầu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đầu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đầu thầu.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đầu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại este điểm c, d Mục 32.1 E-CDDT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đầu thầu.</p> <p>33.1. Chủ đầu tư đính tài thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT ; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng;</p> <p>b) Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian tin và nhà thầu trúng thầu; - Mã số thuế;</p> <p>c) Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có);</p>	<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>
---	--

<p>ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p> <p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đúng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng các yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p> <p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng như báo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>38.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu thầu</p> <p>a) Kinh thầy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đầu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>b) Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL .</p> <p>38.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đầu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>	<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p> <p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p> <p>38. Giải quyết kiến nghị trong đầu thầu</p>
---	---

- (1). Trường hợp áp dụng mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung thì bộ phận này
- (2). Trường hợp không áp dụng mua sắm tập trung hoặc có áp dụng nhưng không sử dụng thỏa thuận khung thì bộ phận này
- (3). Báo hiểm cho các hàng mục đích vụ liên quan, từ dự, báo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa...
- (4). Trường hợp trong hợp đồng ký giữa đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

**Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU**

**E-CDNT 1.1**  
Tên Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức

**E-CDNT 1.2**

Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025  
Tên dự án/dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025  
Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 1.8.2 Chương này

**E-CDNT 3**

Nguồn vốn: Nguồn tài chính hợp pháp năm 2025 và năm 2026 theo quy định của pháp luật của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức

**E-CDNT 5.1 (G)**

Bao đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:

Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức. Địa chỉ chủ đầu tư: 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Trường hợp nhà thầu, Chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của Chủ đầu tư như sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty nhà nước.
- + Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phụ hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó, các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý.
- + Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định đặc lập về pháp lý và đặc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư.

Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn, không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:

**E-CDNT 10.8**

Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: 1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Tài liệu chứng minh tình hợp lệ của người được ủy quyền đại diện nhà thầu tham gia đấu thầu (trường hợp ủy quyền).
- Thấu thân liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh.
- Bảo lãnh dự thầu kèm các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của đại diện hợp pháp của ngân hàng (nếu có).
- 2. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu trên cơ sở đáp ứng yêu cầu tại E-HSDT, trong đó có cùng cấp:
  - Báo cáo tài chính 3 năm gần đây (2022, 2023, 2024) và các tài liệu đính kèm báo cáo tài chính (trường hợp nhà thầu tự cấp nhật thông tin về doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT) và hồ sơ năng lực để tham dự thầu).
  - Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (Hợp đồng Bên bán nghiên cứu hoặc Bên bán thành lý hợp đồng hoặc Hóa đơn tài chính kèm bảng kê hóa đơn theo danh mục hàng hóa Bên bán xác nhận khi lượng công việc hoàn thành...).
  - Ghi chú: Nhà thầu cung cấp Báo đảm dự thầu là bản gốc; Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của đại diện hợp pháp của ngân hàng là bản gốc hoặc bản chụp có đóng dấu xác nhận của ngân hàng hoặc bản chụp được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu khác theo yêu cầu trên là bản gốc hoặc bản chụp có đóng dấu xác nhận của nhà thầu hoặc bản chụp được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

**E-CDNT 12.1**

Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.

**E-CDNT 13.5**

Chào giá: Theo Mẫu số 12.1 (12.1.A hoặc 12.1.B hoặc 12.1.C) Chương IV.

**E-CDNT 15.10**

Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (đề yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): Không yêu cầu.

**E-CDNT 16.2**

Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Không yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

**E-CDNT 17.1**

Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 180 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu tham dự thầu không được thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)<sup>(1)</sup>  
Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.  
Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:

$$Tỷ\ lệ\ sở\ hữu\ vốn = \sum_{(i=1)}^n Xi \times Yi$$

Trong đó:

Xi: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên danh thứ i;

Yi: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;

n: Số thành viên tham gia trong liên danh.

- Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đầu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại Mục này.

<sup>1</sup> Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

**E-CDNT 5.4**

Không áp dụng

Trường hợp có áp dụng nhà thầu phải cung cấp tài liệu để chứng minh việc áp dụng mua hàng hóa từ nhà thầu có từ 30% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực được tham dự thầu.

**E-CDNT 7.5**

Hội nghị tiền đấu thầu: Không

**E-CDNT 8**

Chỉ phí nộp E-HSDT: 330.000 VND

**E-CDNT 18.2**

Nội dung bảo đảm dự thầu

- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 210 ngày.

STT	Mã phần (0)	Tên phần (0)	Giá trị bảo đảm dự thầu (VNĐ)
1	PP2500526825	Bảng dính có gờ, có rãnh	178.500
2	PP2500526826	Bảng đựng hóa chất	14.447.633
3	PP2500526827	Bảng gờ của hàng âm tối ưu 10x10 cm	340.600
4	PP2500526828	Bảng phim trong suốt vô trùng, có rãnh kim lún	187.500
5	PP2500526829	Bao trùm kính hiển vi	15.750
6	PP2500526830	Bình rửa rửa vết thương	780.000
7	PP2500526831	Bộ catheter chày thận	938.800
8	PP2500526832	Bộ catheter chặn dòng mạch 20G/80mm	3.524.993
9	PP2500526833	Bộ catheter dẫn lưu chủ động dịch không màng phổi 3 trong 1	4.122.000
10	PP2500526834	Bộ catheter đường hầm đờng trong lực màu dài hạn	2.612.925
11	PP2500526835	Bộ dẫn lưu áp lực trung bình 400ml	4.769.991
12	PP2500526836	Bộ đo huyết áp xâm lấn 1 thông	2.009.997
13	PP2500526837	Bộ đo huyết áp xâm lấn 2 thông	1.424.999
14	PP2500526838	Bộ khăn chính hình lồng quai	3.525.000
15	PP2500526839	Bộ tiêm truyền thể tích dần hỗ điều chỉnh giọt tự động	8.640.000
16	PP2500526840	Bơm tiêm 10ml dần xoắn	189.000
17	PP2500526841	Bơm tiêm 1ml dành cho tiêm tĩnh đường	19.125
18	PP2500526842	Bơm tiêm 3ml đầu xoắn	113.400
19	PP2500526843	Bơm tiêm truyền áp lực các loại 10ml	1.050.000

20	PP2500526844	Bơm tiêm truyền áp lực các loại, các cỡ	1.365.000
21	PP2500526845	Bóng bóng co thắt âm vị	1.425.000
22	PP2500526846	Bóng bóng thực quản, tá tràng, đại trực tràng, đường kính bóng khoảng 18 - 20 mm	585.000
23	PP2500526847	Cannula ống mạch vành đầu rô các cỡ	173.316
24	PP2500526848	Cannula ống mạch vành ngoài lớn các cỡ	945.000
25	PP2500526849	Cannula ống mạch dài nhiều tầng các cỡ	1.312.500
26	PP2500526850	Cannula ống mạch hai tầng các cỡ	756.000
27	PP2500526851	Cannula ống mạch một tầng đầu thẳng các cỡ	720.000
28	PP2500526852	Catheter tạo đường truyền tĩnh mạch trung tâm từ ngoại biên	1.620.000
29	PP2500526853	Catheter tĩnh mạch trung tâm đặt từ ngoại biên	540.000
30	PP2500526854	Chi không tan đơn sợi phức hợp đơn sợi số 7/0, 2 kim tròn 3/8C dài 10mm	228.383
31	PP2500526855	Chi không tan đơn sợi số 5/0, 2 kim tròn 3/8C, dài 13mm	623.628
32	PP2500526856	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Nylon số 7/0, kim tam giác 3/8C	88.641
33	PP2500526857	Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 2/0, 2 kim thẳng dài 70mm	690.900
34	PP2500526858	Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 4/0, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C	622.620
35	PP2500526859	Chi không tan tự nhiên da sợi Silk 1/0, kim tròn, 1/2C, dài 26mm	136.500
36	PP2500526860	Chi phẫu thuật tổng hợp đơn sợi không tiêu số 5/0, 2 kim tròn 1/2C, dài 11mm	184.210
37	PP2500526861	Chi tan cực chậm đơn sợi số 1, kim tròn 1/2C, dài 40mm	3.099.798
38	PP2500526862	Chi tan nhanh tổng hợp đơn sợi Glyconate số 4/0, kim hình thang dài 19mm	174.801
39	PP2500526863	Chi tan tổng hợp đa sợi số 3/0, kim tròn 1/2C 26mm	1.499.520
40	PP2500526864	Chi tan tổng hợp đơn sợi có gai số 4/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	1.701.000

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://muacong.mpi.gov.vn>

29

63	PP2500526887	Kim luồn tĩnh mạch cao cấp	244.616
64	PP2500526888	Kim dùng cho buồng tiêm dưới da	987.462
65	PP2500526889	Kim luồn có cánh, không cần 2AG	3.002.588
66	PP2500526890	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh có công các cỡ	38.119.703
67	PP2500526891	Kim luồn tĩnh mạch không cánh, không công	315.000
68	PP2500526892	Kim sinh thiết (phụ kiện sử dụng cho máy sinh thiết chẩn không vỡ), Kích thước 8G	3.000.000
69	PP2500526893	Lọ vô trùng lấy mẫu	222.069
70	PP2500526894	Lọc khuẩn làm ấm sơ sinh cao cấp	95.999
71	PP2500526895	Lưới lọc huyết khối (tĩnh mạch chủ đặt vĩnh viễn)	4.725.000
72	PP2500526896	Mạch máu nhân tạo Chy Y được làm nhân gelatin chiều dài 40cm	1.125.000
73	PP2500526897	Mạch máu nhân tạo eth Y, chất liệu Polyester các cỡ	847.500
74	PP2500526898	Mạch máu nhân tạo bằng chất liệu Polyester chiều dài 15cm - 30cm	1.050.000
75	PP2500526899	Mạch máu nhân tạo bằng vỏ vòng xoắn dài 50cm	900.000
76	PP2500526900	Miếng dán cầm máu	345.000
77	PP2500526901	Miếng dán điện tử cho trẻ em	26.681
78	PP2500526902	Nồng đặt nội khí quản Stylet các số	112.124
79	PP2500526903	Ống dẫn lưu đường mật các cỡ	70.050
80	PP2500526904	Ống lấy máu xét nghiệm Hematoctrit HCT	240.000
81	PP2500526905	Ống lưu mẫu huyết thanh	136.080
82	PP2500526906	Ống nghiệm chẩn không EDTA 6ml	56.475
83	PP2500526907	Ống nội khí quản 2 nông trái, phải, các cỡ	1.199.993
84	PP2500526908	Ống nội khí quản có hút dịch trên cuff	1.139.997

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://muacong.mpi.gov.vn>

31

41	PP2500526865	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 3/0, kim tròn 1/2C, dài 22mm	6.227.228
42	PP2500526866	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 1/0 dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 40mm	4.506.813
43	PP2500526867	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 5/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	293.046
44	PP2500526868	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn 1/2C, dài 70cm	158.721
45	PP2500526869	Chi thép điện cực đa sợi số 3/0, gồm 1 kim tròn 1/2C và 1 kim thẳng	533.996
46	PP2500526870	Dai Desault	180.000
47	PP2500526871	Đầu có lọc 10 -20 µL vô trùng	247.500
48	PP2500526872	Đầu có lọc 200 µL vô trùng	624.000
49	PP2500526873	Ống thông dạ dày	165.900
50	PP2500526874	Dây garo	13.703
51	PP2500526875	Dây oxy 1 nhánh 8FR	10.584
52	PP2500526876	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật nhãn khoa 2%	1.500.000
53	PP2500526877	Dùng cụ pha thuốc	21.750
54	PP2500526878	Gạc dẫn lưu tiết trùng 1cm x 200cm x 4 lớp	293.244
55	PP2500526879	Gạc đặt xung quanh ổ mổ khi phẫu	86.625
56	PP2500526880	Gạc thấm dịch ruột (thừa có cân quang)	192.600
57	PP2500526881	Găng phẫu thuật tiết trùng các cỡ	45.138.820
58	PP2500526882	Dây giúp thở	221.130
59	PP2500526883	Kéo sinh học và mạch máu và màng não 5ml	684.000
60	PP2500526884	Khẩn phẫu thuật cỡ lớn	329.651
61	PP2500526885	Kliêu trang N95	361.550
62	PP2500526886	Kim chọc hút tủy xương	1.014.747

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://muacong.mpi.gov.vn>

30

83	PP2500526909	Ống nội phế quản (trái, phải)	239.999
86	PP2500526910	Ống thông dẫn lưu màng phổi không nông các cỡ	34.304
87	PP2500526911	Ống thông lấy huyết khối các cỡ	1.732.500
88	PP2500526912	Phiếu nhân tạo tích hợp da cấp cho người lớn và trẻ em	2.160.000
89	PP2500526913	Quả lọc máu cho người lớn kèm dây dẫn	432.150
90	PP2500526914	Quả lọc thận highflux	9.480.000
91	PP2500526915	Que gòn xét nghiệm	161.400
92	PP2500526916	Que làm sỏi mật thủy lực	465.000
93	PP2500526917	Que thử có chỉ thị hóa học	1.650.780
94	PP2500526918	Siunt động mạch vành	327.600
95	PP2500526919	Stent kim loại đại tràng	1.875.000
96	PP2500526920	Stent kim loại lá tròng	1.725.000
97	PP2500526921	Tăm bóng rây tai	75.336
98	PP2500526922	Tăm lột bệnh phẩm	90.000
99	PP2500526923	Thông tiêu 2 nhánh phủ silicon các cỡ	3.082.377
100	PP2500526924	Túi hậu môn nhân tạo	135.300
101	PP2500526925	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh có đế	110.249
102	PP2500526926	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh không đế	41.250
103	PP2500526927	Túi truyền áp lực cao	90.000
104	PP2500526928	Vật liệu cầm máu tự tiêu 7cmx5cmx1cm	1.152.882
105	PP2500526929	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa tái tổ hợp	3.180.000
106	PP2500526930	Vòng bảo vệ da chống loét	10.742
107	PP2500526931	Băng dán vết thương 15cm x 20 cm	105.000
108	PP2500526932	Kim sinh thiết tủy xương	704.985

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://muacong.mpi.gov.vn>

32

109	PP2500526933	Đáy có đỉnh camuynua nữ Khí quân	134.999
110	PP2500526934	Bảng gác đàn vĩ mô vĩ thương trong suốt Kịch thước 9cm x 15 (40,5%)	180.000
111	PP2500526933	Bảng gác đàn vĩ mô vĩ thương trong suốt Kịch thước 9cm x 20cm (40,5%)	180.000
112	PP2500526936	Bảng gác đàn vĩ mô vĩ thương trong suốt Kịch thước 9cm x 25cm (40,5%)	108.000
113	PP2500526937	Đáy đàn dương Hydrophilic (đáy dẫn đường trong niếu quân)	3.024.000
114	PP2500526938	Ông thông niếu quân có vạch chia	204.300
115	PP2500526939	Đáy vĩ đại	475.860
116	PP2500526940	Kim chày đàn nhân tạo 17G	5.775.000
117	PP2500526941	Bảng gác đàn mẫu	110.568
118	PP2500526942	Chỉ nan tổng hợp đơn sơ (Glyconac số 4/0, kim tròn 1/2C, dài 22mm)	2.930.460

Đổi mới nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 21/42025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đối nhà nước của nhà thầu thực hiện phải báo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ hạn cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 21/42025/NĐ-CP nêu trên phải thực hiện phải báo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị báo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc hành viên đó đảm nhận tương ứng danh thời hạn 02 năm kể từ hạn cuối cùng thực hiện hành vi này.

**E-CDNT 18.4**  
Thời gian hoàn trả hoặc giải tòa báo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được hạn chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả hạn chọn nhà thầu được phê duyệt.

**E-CDNT 28.4**  
Cách tính ưu đãi:  
a) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% và không có hàng hóa nào có chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau: Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu từ đi giá trị

- Sản phẩm chip bán dẫn;  
- Sản phẩm dệt giải thường Hồ Chí Minh, giải thường nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng thi đua Khoa học và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;  
- Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu và phát triển tại một trong các cơ sở của Trung tâm Dõi mới sáng tạo Quốc gia hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia;  
- Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.  
Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản này được hưởng ưu đãi trong thời hạn 06 năm kể từ hạn đầu được sản xuất và đi điều kiện để ra thị trường.

**E-CDNT 28.8**  
- Các ưu đãi khác (nếu có): Không.

**E-CDNT 29.1**  
Phương pháp đánh giá E-HSDT là:  
- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt.  
- Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt.  
- Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.

**E-CDNT 29.3(đ)**  
Cách thức thực hiện: Việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có).

**E-CDNT 29.3(đ)**  
Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), công giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**E-CDNT 31.4**  
Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.  
Đổi mới với giá nhà thầu của nhà thầu phân (B), việc đánh giá E-HSDT và xác duyệt trong nhà thầu thực hiện trên cơ sở báo đảm: giá đề nghị trong nhà thầu của gói thầu không vượt giá nhà thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

**E-CDNT 34.1**  
Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%.  
Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%.



giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu từ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.  
Đổi mới trong hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50%, lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đánh thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 10% thay cho hệ số ưu đãi 7,5%.

b) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau: hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 10% giá dự thầu từ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu từ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 2,5% giá dự thầu từ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu từ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đánh thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì không phải cộng thêm tiền vào giá dự thầu của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.

Đổi mới các trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đánh thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 12% thay cho hệ số ưu đãi 10%.

c) Ưu đãi đối với hàng hóa là sản phẩm dệt mới sáng tạo có xuất xứ Việt Nam, sản phẩm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đầu tư như sau: hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 15% giá dự thầu từ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu từ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu từ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu từ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên phải cộng thêm một khoản tiền bằng 5% giá dự thầu từ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu từ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.

Đổi mới các trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, sản phẩm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đầu tư, trong hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay bằng 7,5%, hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay bằng 10%.

d) Sản phẩm đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm c khoản này khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:  
- Sản phẩm thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.  
- Sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.  
- Sản phẩm được tạo ra trên cơ sở sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng của chính nhà thầu được cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp hoặc chương trình máy tính của chính nhà thầu trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả.

**E-CDNT 34.2**  
- Tỷ lệ chọn mua thêm: Không áp dụng

**E-CDNT 36.1(b)**  
- Người có thẩm quyền: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức.  
+ Địa chỉ: Số 29 Phú Châu, Phường, Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.  
+ E-mail: phongvatvuy2023@gmail.com.

- Bộ phận thương mại giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng giải quyết khiếu nại:  
+ Địa chỉ: Không có.  
+ E-mail: Không có.

**E-CDNT 38.2**  
Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau:



hoặc cung cấp các dịch vụ sau bên hàng theo yêu cầu của E-HSMT.			
---	--	--	--

hàng trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).Y1 đư: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá theo chỉ này;

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nhà doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2,...).

Y1 đư 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.Y1 đư 2: Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, năm thời điểm đóng thầu là ngày 13/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/hời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm lập trong áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khía năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay "giá gói thầu" bằng "giá dự thầu" trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số "k".

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên danh sách hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Chỉ thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Trong tư về tính chất Chủ đầu tư, tổ chuyên gia lựa chọn một trong hai cách thức để quy định trong E-HSMT như sau:

a) Cách 1: là hàng hóa thuộc các lĩnh vực công nghệ (chủ đầu tư, tổ chuyên gia nêu lĩnh vực công nghệ, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng,...) hoặc

b) Cách 2: E-HSMT quy định theo 2 tiêu chí



Chỉ chi:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ thuộc việc phân phối, tiêu thụ thông là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Chỉ thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khoa tạo uy không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khoa tạo uy bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, và nhà thầu không phân đấu;
- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khoa tạo uy bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trong tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khoa tạo uy không hoàn thành không gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ chế khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị sản phẩm hợp đồng dẫn đến theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2023/NĐ-CP thì thành viên liên danh coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp và nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đội thầu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trên các năm trước năm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thời suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với thời suất phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất từ đồng hồ đồng tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước của năm Y (năm Y-1).

Y1 đư: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022.

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện theo năm Y-1.

(1) Tiêu chí 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực công nghệ (chủ đầu tư, tổ chuyên gia nêu lĩnh vực công nghệ, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng,...)

(2) Tiêu chí 2: là hàng hóa có cùng mã Chi nhánh, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của mã) trong Hệ thống mã hóa mã và mã hóa hàng hóa (HS - Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã HS có theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử <http://mmsucong-ngu.gov.vn>).

Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực công nghệ của E-HSMT yêu cầu (Tiêu chí 1) hoặc công 4 số đầu tiên mã HS (Tiêu chí 2) đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu. Trường hợp một hàng hóa có nhiều mã HS khác nhau, E-HSMT quy định chỉ mã HS này, nhà thầu có hàng hóa đáp ứng một trong các mã HS này được coi là đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

Y1 đư: Hàng hóa thuộc gói thầu là một hình chiếc tay có mã HS là 84.71.30.20 thì các hàng hóa có mã HS là 84.71.xxxx được coi là có tính chất tương tự. Trường hợp hàng hóa thuộc gói thầu được công bố mã HS, nhà thầu phải kê khai các hàng hóa có cùng lĩnh vực công nghệ theo yêu cầu của E-HSMT (Tiêu chí 1).

-Đối với gói thầu mua trang thiết bị y tế, mã HS được xác định theo Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế, hàng hóa tương tự theo mã HS (cùng định mục chi 2) là trang thiết bị y tế cùng nhóm hàng hóa (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BYT.

Trong quy trình thực hiện, tương ứng Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT).

- Trường hợp chủ đầu tư tổ chuyên gia không nhận được việc xác định mã HS của hàng hóa theo Tiêu chí 2, E-HSMT được đưa ra quy định tương tự về lĩnh vực công nghệ (theo Tiêu chí 1). Trong trường hợp này, nhà thầu phải kê khai mã HS của hàng hóa theo yêu cầu gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hàng mục, hợp đồng đã thực hiện (gọi tắt là) cùng nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) thì hàng mục, hợp đồng này được coi là tương tự để xem xét, đánh giá (được coi như nhà thầu đáp ứng Tiêu chí 2).

- Trường hợp gói thầu có nhiều hàng mục thì có thể chỉ quy định lĩnh vực công nghệ, mã HS cho các hàng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hàng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hàng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tình chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (ghi rõ số các hàng hóa chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hàng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hàng mục hàng hóa. Trường hợp mua sắm trang thiết bị y tế, hàng hóa có mã (lưu ý) để tăng tính minh bạch cho gói thầu. Trong đó, Y thông thường khoảng 50% giá trị của gói thầu được xác; riêng đối với trường hợp gói thầu tương tự các phần (b) để tăng tính minh bạch cho gói thầu.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có công nghệ, mã Nhóm thì việc xác định quy mô hợp đồng tương tự được xác định theo định (11) và định (10) (v) ghi chủ này.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có khối lượng, số lượng công việc cần có như các theo các năm và thời gian thực hiện gói thầu dài hơn 1 năm thì E-HSMT

Yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) mà không xác định yêu cầu theo tổng số năm.  
 Ví dụ: *gói thầu cung cấp vật tư X cho nhu cầu của chi đoàn từ trong 02 năm 2024-2025 từ 01/01/2024 đến 31/12/2025*, giá gói thầu là 100.000.000.000 đồng (tính cho nhu cầu trong 02 năm). Yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự là:  $50\% \times 100.000.000.000 = 25.000.000.000$  đồng. Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự cần có vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

- (i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là Y (hoặc Y/1,25 nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng một thầu lớn), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng một thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu hoặc
- (ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu thành lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) nhưng bao đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng một thầu lớn), trong đó không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng một thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

- Trong đó:
- Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hạng hóa.
  - Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hạng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hạng hóa, không cần có vào thời điểm ký kết hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu vừa là nhà sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu), thì ngoài kế khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, nhà thầu còn phải kê khai về năng lực sản xuất theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 02 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, hợp đồng tương tự được xác định tương ứng với khối lượng, giá trị của hàng hóa mà nhà thầu đã thực hiện trong gói thầu, bao đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa mà nhà thầu chào (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng một thầu lớn).

Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự cần có vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

- (iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là K (hoặc K/1,25 nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng một thầu lớn), trong đó K bằng 50% tổng giá trị của hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mucamcong.mpi.gov.vn>

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán(VND)
1	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Hàng hóa B	9030	8.000.000.000
3	Hàng hóa C	9030	12.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu A tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa Q nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

- Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng đã hoàn thành với giá trị tối thiểu là 11 tỷ đồng ( $50\% \times (10 \text{ tỷ đồng} + 12 \text{ tỷ đồng})$ ) hoặc

+ Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng ( $50\% \times 10 \text{ tỷ đồng}$ ) và 01 hợp đồng đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 6 tỷ đồng ( $50\% \times 12 \text{ tỷ đồng}$ ).

Trường hợp nhà thầu A cung cấp 02 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030, trong đó hợp đồng số 01: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 5 tỷ đồng và hợp đồng số 02: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 4 tỷ đồng thì được coi là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.

- Ví dụ 5: Gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần (ví dụ chia thành 03 phần) như sau:

STT	Tên phần (03)	Phạm vi cung cấp	Mã HS	Giá trị theo dự toán(VND)
1	Lô số 01	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Lô số 02	Hàng hóa B	9025	20.000.000.000
3	Lô số 03	Hàng hóa C	9025	30.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu tham dự thầu đối với cả 03 phần của gói thầu mua sắm hàng hóa nêu trên có 01 hợp đồng cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị đã thực hiện là Z được đánh giá như sau:

- Trường hợp 1: nếu  $Z < 5.000.000.000$  VND thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.
- Trường hợp 2: nếu  $5.000.000.000 \leq Z < 10.000.000.000$  VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01.
- Trường hợp 3: nếu  $10.000.000.000 \leq Z < 15.000.000.000$  VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01 và Lô số 02.
- Trường hợp 4: nếu  $Z \geq 15.000.000.000$  VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mucamcong.mpi.gov.vn>

(không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc (hàng có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc (hàng ly) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) nhưng bao đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng một thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng một thầu lớn). Không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng một thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

- Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp 500.000 cái bom tiêm dùng một lần có mã HS 9018.31.10 (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 1.000.000.000 đồng và 100 chiếc đèn mô treo trần có mã HS 9405.10.20 (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 2.000.000.000 đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 2 máy bơm có mã HS 9018.90.30, trong đó đã bán giao 1 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 900.000.000 đồng ( $> 50\%$  giá trị hạng mục bơm tiêm dùng một lần) và có hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 200 chiếc đèn phẫu thuật có mã HS 9405.40.91, trong đó đã bán giao 80 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 1.450.000.000 đồng ( $> 50\%$  giá trị hạng mục đèn mô treo trần) thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về hợp đồng tương tự của gói thầu này.

- Ví dụ 2: Phạm vi cung cấp gói thầu là mua xe Ben từ 02 đến theo 20 cái lớp xe dự phòng; gói thầu được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lớp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói thầu là xe Ben từ 02 và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng  $50\% \times 1,64$  tỷ đồng.

- Ví dụ 3: Phạm vi cung cấp của gói thầu đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng), giao hàng trong thời gian 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu tham dự thầu là nhà thầu Liên danh A - B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói thầu), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói thầu (20% giá trị công việc gói thầu). Trong trường hợp này, nhà thầu Liên danh A - B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:

+ Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 12,5 máy điều hòa/tháng ( $1,5 \times 30 \text{ máy} \times 30 / 180 \text{ ngày}$ ) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa của 01 tháng cao nhất trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng hoặc lớn hơn 12,5 máy/tháng;

+ Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bao đảm giá trị mã hàng hóa 8507 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy tính xách tay (tức là  $\geq 50\% \times 400$  triệu đồng), giá trị mã hàng hóa 8443 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy in laser (tức là  $\geq 50\% \times 100$  triệu đồng).

- Ví dụ 4: Phạm vi cung cấp gói thầu mua sắm hàng hóa Q như sau:

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mucamcong.mpi.gov.vn>

cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu."

(2) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mucamcong.mpi.gov.vn>

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**  
(Đổi với nhà thầu là nhà sản xuất<sup>1/2/3</sup> ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Bảng số 02

TT	Mô tả	Yêu cầu	Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
			Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	Tổng các thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 <sup>2/3</sup> đến thời điểm đăng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EPC-PC, nhà thầu neo vey) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>1/2/3</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế <sup>1/2/3</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đăng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Nội dung cam kết theo đơn dự thầu
3	Kết quả tài chính <sup>1/2/3</sup>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đăng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 <sup>1/2/3</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đăng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu theo quy định tại bảng X	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 <sup>1/2/3</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đăng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu theo quy định tại bảng X	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
4	Năng lực sản xuất hàng hóa <sup>1/2/3</sup>	Cần có vào tình chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, cần đầu tư vào các về năng lực sản xuất hàng hóa hoặc không yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hóa. - Trường hợp không yêu cầu về năng lực sản xuất	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công)	Mẫu số 05B

Tải file được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mms.comcong.ngp.gov.vn>

49

- Chi tiết:
- (1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ thuộc việc phân phối, liên tục sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.
  - (2) Gói thầu gần đây, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đăng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đăng thầu.
  - (3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EPC-PC, nhà thầu neo vey bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phân đối;
    - Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EPC-PC, nhà thầu neo vey bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trong tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.
    - Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EPC-PC, nhà thầu neo vey bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành phải đưa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo các quy định tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chưa qua giải quyết của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.
  - (4) Nhà thầu được hiểu là liên danh minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đăng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cấp nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tại Hệ thống. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đăng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế của nhà thầu). Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vì phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng hoặc quá của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vì phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.
  - (4) Nhà thầu được hiểu là liên danh minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đăng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cấp nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tại Hệ thống. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đăng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế của nhà thầu). Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vì phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng hoặc quá của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vì phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.
  - Từ khái niệm (nước thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
    - Từ khái niệm (nước thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.
- Trường hợp thời điểm đăng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).
- (1/2/3) *Thời điểm đăng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kê khai thuế vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế (cả năm 2022).*
- (3) Khi chưa hoàn sản phẩm đối với một sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đối với sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2023/NĐ-CP không phải đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần

Tải file được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mms.comcong.ngp.gov.vn>

51



5	Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác <sup>1/2/3</sup>	hàng hóa thì chọn “Không áp dụng” - Trường hợp có yêu cầu về hàng lực sản xuất hàng hóa thì chọn “Áp dụng” và quy định như sau: Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu dự ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: + Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất tối thiểu của 01 tháng hoặc tối thiểu của 01 năm theo quy định tại Bảng X. Hoặc: + Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng thầu hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng thầu đạt tối thiểu theo quy định tại Bảng X. Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về năng lực sản xuất được thực hiện theo Bảng Y.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc
---	--	---	---------------------------	---------------------------	---------------	---

Tải file được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mms.comcong.ngp.gov.vn>

50

- đầu được sản xuất và đi điều kiện để đưa ra thị trường.
- (6) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đăng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).
  - (7) *Thời điểm đăng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kê khai thuế vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.*
  - (7) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước thì không đánh giá trên chỉ này.
    - Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá trên chỉ này.
  - (7) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước thì không đánh giá trên chỉ này.
    - Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá trên chỉ này.
  - (7) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước thì không đánh giá trên chỉ này.
    - Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá trên chỉ này.
- Đối với nhà thầu được thực hiện giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phải nộp với E-HSMT không phải nộp ứng tiền chi này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đi điều kiện để đưa ra thị trường. Cần có xác định nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ, nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ không phải nộp ứng tiền chi này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đi điều kiện để đưa ra thị trường. Trong hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ không phải nộp ứng tiền chi này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đi điều kiện để đưa ra thị trường. Trong trường hợp nộp ứng tiền chi này, nhà thầu phải nộp ứng tiền chi này theo yêu cầu của E-HSMT. Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phải nộp với E-HSMT không phải nộp ứng tiền chi này trong thời hạn 05 năm trước thời điểm đăng thầu. Hàng hóa mà chúng loại hàng hóa này lần đầu được nhà thầu sản xuất và đi điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đăng thầu. Nhà thầu được hưởng ưu đãi này kể từ khi nhà thầu được thành lập nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đăng thầu.
- (8) Gói thầu gần đây, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đăng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thực hiện nộp ứng tiền chi này, nếu doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.
- Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.
- Trường hợp thời điểm đăng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2,...)
- (1/2/3) *Thời điểm đăng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kê khai thuế vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.*
- (1/2/3) *Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đăng thầu. Trong trường hợp nộp ứng tiền chi để điều kiện để đăng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

Tải file được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mms.comcong.ngp.gov.vn>

52

(9) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:  
 Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu - giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu (năm) x k]. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:  
 Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu - giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này từ 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm áp dụng áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay "giá gói thầu" bằng "giá dự thầu" trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số "k".

(10) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hoá khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm loại hàng hoá của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hoá của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại. Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng:  $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30) / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)}$ . Thông thường  $k = 1,5$ ; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hoá có số lượng, khối lượng một loại lớn thì có thể quy định  $k = 1$ , hoặc:

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng:  $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 365) / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)}$ . Thông thường  $k = 1,5$ ; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hoá có số lượng, khối lượng một loại lớn thì có thể quy định  $k = 1$ .

*Ví dụ: Số lượng hàng hoá của gói thầu là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu là 20 ngày, hệ số  $k = 1,5$  thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là:  $1,5 \times (12.000 \times 30) / 20 = 27.000$  hộp sữa hoặc công suất thiết kế tối thiểu trong 01 năm/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 năm của nhà thầu là:  $1,5 \times (12.000 \times 365) / 20 = 328.500$  hộp sữa.*

Trường hợp hàng hoá là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hoá hoặc một phần khối lượng hàng hoá do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hoá khác hoặc một phần khối lượng hàng hoá do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kế khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự (tương ứng với phần hàng hoá mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hoá mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu). Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng lớn, kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng hoặc 01 năm; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

Đối với gói thầu mua sắm áp dụng áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, năng lực sản xuất được xác định theo công thức trên tương ứng với

Bảng X

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM**  
*(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa chia thành nhiều phần)*

STT	Mã phần (0)	Tên phần (0)	Giá trị ước tính từng phần (VNĐ)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VNĐ)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VNĐ)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
1	PP2500526825	Bảng định có gác, có chân	11.900.000	16.227.273		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	5.950.000	617
2	PP2500526826	Bảng đựng hóa chất	963.175.500	1.313.421.137		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	481.587.750	62
3	PP2500526827	Bảng gác cabin bằng nhôm tối thiểu 10x10 cm	16.040.000	21.872.728		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	8.020.000	25
4	PP2500526828	Bảng phân trong suốt vô trùng, có rãnh kim luân	12.500.000	17.045.455		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	6.250.000	124
5	PP2500526829	Bao trùm kính hiển vi	1.050.000	1.431.819		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	525.000	7

khối lượng, số lượng mà nhà thầu có thể cung cấp (không phải tương ứng với khối lượng mới thầu). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số "k".

Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đầu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

(11) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

STT	Mã phần (0)	Tên phần (0)	Giá trị ước tính từng phần (VNĐ)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VNĐ)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VNĐ)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
6	PP2500526830	Bình dẫn lưu vết thương	52.000.000	70.909.091		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	26.000.000	81
7	PP2500526831	Bộ catheter chày thận	61.920.000	84.436.364		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	30.960.000	20
8	PP2500526832	Bộ catheter chỉnh dòng mạch 20C/80mm	234.999.500	320.453.864		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	117.499.750	62
9	PP2500526833	Bộ catheter dẫn lưu chiu động dịch không màng phổi 3 trong 1	274.800.000	374.727.273		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	137.400.000	3
10	PP2500526834	Bộ catheter đường hầm cứng trong lọc máu dài hạn	174.195.000	237.538.637		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	87.097.500	4
11	PP2500526835	Bộ dẫn lưu áp lực trung bình 400ml	317.999.400	433.635.546		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	158.999.700	74
12	PP2500526836	Bộ đo huyết áp xâm lấn 1 ngón	133.999.800	182.727.000		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	66.999.900	25

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VNĐ)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VNĐ)	Mã hàng hóa (HS)	Loại vật, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VNĐ)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
13	PP2500526837	Bộ do thuyết áp xim lán 2 hàng	94.999.900	129.545.319		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	47.499.950	13
14	PP2500526838	Bộ khăn chỉnh hình tăng quai	235.000.000	320.454.546		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	117.500.000	62
15	PP2500526839	Bộ tiêm truyền thể tích dần hồi đầu chỉnh góc tự động	576.000.000	785.454.546		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	288.000.000	99
16	PP2500526840	Bơm tiêm 1ml dần xoắn	12.600.000	17.181.819		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	6.300.000	370
17	PP2500526841	Bơm tiêm 1ml dành cho tiêm tiểu đường	1.275.000	1.738.637		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	637.500	105
18	PP2500526842	Bơm tiêm 3ml đầu xoắn	7.560.000	10.309.091		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	3.780.000	247
19	PP2500526843	Bơm tiêm truyền áp lực các loại 10ml	70.000.000	95.454.546		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	35.000.000	124
20	PP2500526844	Bơm tiêm truyền áp	91.000.000	124.090.910		Vật tư y tế,	45.500.000	161

Tải lên được in từ Hệ thống e-CP với địa chỉ <https://mmsmcongnghe.gov.vn>

57

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VNĐ)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VNĐ)	Mã hàng hóa (HS)	Loại vật, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VNĐ)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
27	PP2500526851	Camilla tinh mạch ngọt tăng đầu hàng các cỡ	48.000.000	65.454.546		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	24.000.000	5
28	PP2500526852	Culheer tạo đường truyền tinh mạch trung tâm từ ngoài bên	108.000.000	147.272.728		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	54.000.000	8
29	PP2500526853	Culheer tinh mạch trung tâm đặt từ ngoài bên	36.000.000	49.090.910		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	18.000.000	3
30	PP2500526854	Chi không tan đơn sợi phôi hợp đơn sợi số 7/0, 2 kim tròn 3/8C dài 10mm	15.225.500	20.762.046		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	7.612.750	13
31	PP2500526855	Chi không tan đơn sợi số 5/0, 2 kim tròn 3/8C dài 10mm	41.575.200	56.693.455		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	20.787.600	37
32	PP2500526856	Chi không tan tăng hợp đơn sợi Nylon số 7/0, kim tam giác 3/8C	5.909.400	8.058.273		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	2.954.700	17
33	PP2500526857	Chi không tan tăng	46.060.000	62.809.091		Vật tư y tế,	23.030.000	44

Tải lên được in từ Hệ thống e-CP với địa chỉ <https://mmsmcongnghe.gov.vn>

59

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VNĐ)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VNĐ)	Mã hàng hóa (HS)	Loại vật, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VNĐ)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
21	PP2500526845	Bông mong co thắt lán vi	95.000.000	129.545.455		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	47.500.000	2
22	PP2500526846	Bông mong thực quản, tá tràng, đại trực tràng, đường kính bông khoảng 18 - 20 mm	39.000.000	53.181.819		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	19.500.000	1
23	PP2500526847	Camilla dòng mạch vành đầu rổ các cỡ	11.554.400	15.756.000		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	5.777.200	3
24	PP2500526848	Camilla tinh mạch cảnh người lớn các cỡ	63.000.000	85.909.091		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	31.500.000	1
25	PP2500526849	Camilla tinh mạch dài nhiều tầng các cỡ	87.500.000	119.318.182		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	43.750.000	1
26	PP2500526850	Camilla tinh mạch hai tầng các cỡ	50.400.000	68.727.273		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	25.200.000	5

Tải lên được in từ Hệ thống e-CP với địa chỉ <https://mmsmcongnghe.gov.vn>

58

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VNĐ)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VNĐ)	Mã hàng hóa (HS)	Loại vật, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VNĐ)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
34	PP2500526858	Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 4/0, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C	41.507.964	56.601.770		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	20.753.982	40
35	PP2500526859	Chi không tan từ nhện đa sợi Silk I/0, kim tròn, 1/2C, dài 26mm	9.100.000	12.409.091		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	4.550.000	87
36	PP2500526860	Chi phẫu thuật tăng hợp đơn sợi không tiêu số 5/0, 2 kim tròn 1/2C, dài 11mm	12.280.650	16.746.341		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	6.140.325	7
37	PP2500526861	Chi tán cực chậm đơn sợi số 1, kim tròn 1/2C, dài 40mm	206.653.200	281.799.819		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	103.336.600	148
38	PP2500526862	Chi tán nhanh đồng hợp đơn sợi Glyconate số 4/0, kim hình thang dài 19mm	11.653.400	15.891.000		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	5.826.700	13

Tải lên được in từ Hệ thống e-CP với địa chỉ <https://mmsmcongnghe.gov.vn>

60

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
39	PP2500526863	Chi tan tổng hợp đa sợi số 3/0, kim tròn 1/2C 26mm	99.968.000	136.320.000		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	49.984.000 193	
40	PP2500526864	Chi tan tổng hợp đơn sợi có gai số 4/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	113.400.000	154.636.364		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	56.700.000 19	
41	PP2500526865	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glyconac số 3/0, kim tròn 1/2C, dài 22mm	415.148.500	566.111.591		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	207.574.250 524	
42	PP2500526866	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 1/0 dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 40mm	300.454.200	409.710.273		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	150.227.100 222	
43	PP2500526867	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 5/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	19.536.400	26.640.546		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	9.768.200 25	
44	PP2500526868	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn 1/2C, dài 70cm	10.581.336	14.429.095		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	5.290.668 9	
45	PP2500526869	Chi thép điện cực đa	35.599.700	48.545.046		Vật tư y tế,	17.799.850 13	

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

61

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
53	PP2500526877	trong phẫu thuật nhằm khoa 2%	1.450.000	1.977.273		hóa chất sinh phẩm	725.000 7	
54	PP2500526878	Chạc dẫn lưu tiết trùng 1cm x 200cm x 4 lớp	19.540.560	26.658.491		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	9.774.780 748	
55	PP2500526879	Gạc dặt xung quanh ống mở khí quản	5.775.000	7.875.000		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	2.887.500 68	
56	PP2500526880	Gạc thấm dịch ruột thừa có cân quang	12.840.000	17.509.091		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	6.420.000 1233	
57	PP2500526881	Găng phẫu thuật tiết trùng các cỡ	3.010.588.000	4.106.347.273		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	1.505.294.000 48838	
58	PP2500526882	Dây giúp thở	14.742.000	20.102.728		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	7.371.000 4	
59	PP2500526883	Keo sinh học và mạch máu và màng	45.800.000	62.181.819		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	22.800.000 1	

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

62

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
46	PP2500526870	Đai Desault	12.000.000	16.363.637		hóa chất sinh phẩm	6.000.000 25	
47	PP2500526871	Đầu coil có lọc 10 -20 µL vô trùng	16.500.000	22.500.000		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	8.250.000 14	
48	PP2500526872	Đầu coil có lọc 200 µL vô trùng	41.600.000	56.727.273		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	20.800.000 33	
49	PP2500526873	Ống thông dạ dày	11.060.000	15.081.819		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	5.530.000 390	
50	PP2500526874	Dây garo	913.500	1.245.682		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	456.750 54	
51	PP2500526875	Dây oxy 1 nhánh 8Fr	705.600	962.182		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	352.800 37	
52	PP2500526876	Dịch nhầy dùng	100.000.000	136.363.637		Vật tư y tế,	50.000.000 50	

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

63

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
60	PP2500526884	Ống phẫu thuật có lỗ	21.976.750	29.968.269		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	10.988.365 1101	
61	PP2500526885	Khẩu trang N95	24.103.280	32.868.110		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	12.051.640 365	
62	PP2500526886	Kim chọc hút tủy xương	67.649.795	92.249.721		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	33.824.898 26	
63	PP2500526887	Kim luồn tĩnh mạch cao cấp	16.307.670	22.237.732		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	8.153.835 288	
64	PP2500526888	Kim dùng cho buồng tiêm dưới da	65.830.800	89.769.273		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	32.915.400 87	
65	PP2500526889	Kim luồn có cánh, không cần 24G	200.172.500	272.962.500		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	100.086.250 1548	
66	PP2500526890	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh có công các cỡ	2.541.313.500	3.465.427.500		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	1.270.656.750 19644	

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

64

STT	Mã phần (0)	Tên phần (0)	Giá trị ước tính trong phần (VNĐ)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VNĐ)	Mã hàng hóa (HS)	Loại vyc, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VNĐ)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
67	PP2500526891	Kim luôn tinh mạch không cính, không cính	21.000.000	28.636.364		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	10.500.000	25
68	PP2500526892	Kim sinh thiết (Ghụ Kẹp sử dụng cho máy sinh thiết chân không vu), Kẹp thước 80	200.000.000	272.727.273		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	100.000.000	4
69	PP2500526893	Lọ vô trùng lấy mẫu	14.804.580	20.188.064		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	7.402.290	1291
70	PP2500526894	Loại kim tiêm làm âm sơ sinh cao cấp	6.399.920	8.727.164		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	3.199.960	10
71	PP2500526895	Lưỡi cạo huyết khối tinh mạch chi đặt vĩnh viễn	315.000.000	429.545.455		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	157.500.000	2
72	PP2500526896	Mạch máu nhân tạo chỉ Y được làm nhện gelatin chiểu dài 40cm	75.000.000	102.272.728		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	37.500.000	1
73	PP2500526897	Mạch máu nhân tạo	56.500.000	77.045.455		Vật tư y tế,	28.250.000	1

Tải lên được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mmsamcong.mpi.gov.vn>

STT	Mã phần (0)	Tên phần (0)	Giá trị ước tính trong phần (VNĐ)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VNĐ)	Mã hàng hóa (HS)	Loại vyc, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VNĐ)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
74	PP2500526898	chất Y, chất liệu Polymer các cỡ	70.000.000	95.454.546		hóa chất sinh phẩm	35.000.000	1
75	PP2500526899	Mạch máu nhân tạo bằng chất liệu Polymer chiều dài 15cm - 30cm	60.000.000	81.818.182		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	30.000.000	1
76	PP2500526900	Miếng dán cảm biến	23.000.000	31.363.637		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	11.500.000	13
77	PP2500526901	Miếng dán điện tim cho trẻ em	1.778.700	2.425.500		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	889.350	87
78	PP2500526902	Nòng đặt nội khí quản Sylet các số	7.474.885	10.193.025		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	3.737.443	15
79	PP2500526903	Ông dẫn lưu đường mật các cỡ	4.670.000	6.368.182		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	2.335.000	25
80	PP2500526904	Ông lấy mẫu xét	16.000.000	21.818.182		Vật tư y tế,	8.000.000	40

Tải lên được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mmsamcong.mpi.gov.vn>

STT	Mã phần (0)	Tên phần (0)	Giá trị ước tính trong phần (VNĐ)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VNĐ)	Mã hàng hóa (HS)	Loại vyc, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VNĐ)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
81	PP2500526905	nguyên Hemocrit HCT Ông lun máu huyết thanh	9.072.000	12.370.910		hóa chất sinh phẩm	4.536.000	864
82	PP2500526906	Ông nguyên chèn không EDTA 6ml	3.765.000	5.134.091		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	1.882.500	370
83	PP2500526907	Ông nội khí quản 2 thông trái, phải, các cỡ	79.999.500	109.090.228		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	39.999.750	7
84	PP2500526908	Ông nội khí quản có hai dịch trên cuff	75.999.800	103.636.091		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	37.999.900	25
85	PP2500526909	Ông nội khí quản (trái, phải)	15.999.900	21.818.046		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	7.999.950	2
86	PP2500526910	Ông thông dẫn lun màng phổi không thông các cỡ	2.286.900	3.118.500		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	1.143.450	4
87	PP2500526911	Ông thông lấy huyết khối các cỡ	115.500.000	157.500.000		Vật tư y tế, hóa chất	57.750.000	13

Tải lên được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mmsamcong.mpi.gov.vn>

STT	Mã phần (0)	Tên phần (0)	Giá trị ước tính trong phần (VNĐ)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VNĐ)	Mã hàng hóa (HS)	Loại vyc, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VNĐ)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
88	PP2500526912	Phôi nhân tạo tích hợp da cấp cho người lớn và trẻ em	144.000.000	196.363.637		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	72.000.000	2
89	PP2500526913	Quả lọc máu cho người lớn kèm dây dẫn	28.810.000	39.286.364		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	14.405.000	2
90	PP2500526914	Quả lọc thận highflux	632.000.000	861.818.182		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	316.000.000	198
91	PP2500526915	Que gòn xét nghiệm	10.760.000	14.672.728		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	5.380.000	4932
92	PP2500526916	Que tẩn sỏi mật thủy lực	31.000.000	42.272.728		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	15.500.000	1
93	PP2500526917	Que thử có chỉ thị hóa học	110.052.000	150.070.910		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	55.026.000	6658
94	PP2500526918	Siunt động mạch vành	21.840.000	29.781.819		Vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm	10.920.000	2

Tải lên được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ <https://mmsamcong.mpi.gov.vn>

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
95	PP2500526919	Stent kim loại đại tràng	125.000.000	170.454.546		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	62.500.000 1	
96	PP2500526920	Stent kim loại tá tràng	115.000.000	156.818.182		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	57.500.000 1	
97	PP2500526921	Tấm bông rẩy tai	5.022.400	6.848.728		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	2.511.200 72	
98	PP2500526922	Tấm lót hệ thống	6.000.000	8.181.819		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	3.000.000 2	
99	PP2500526923	Thông tiểu 2 nhánh phủ silicon các cỡ	205.491.780	280.216.064		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	102.745.890 1014	
100	PP2500526924	Túi hậu môn nhân tạo	9.020.000	12.300.000		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	4.510.000 28	
101	PP2500526925	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh có đế	7.349.930	10.022.632		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	3.674.965 9	
102	PP2500526926	Túi hậu môn nhân tạo	2.749.950	3.749.932		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	1.374.975 7	

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mussamcong.mpi.gov.vn>

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
103	PP2500526927	Túi truyền áp lực cao	6.000.000	8.181.819		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	3.000.000 2	
104	PP2500526928	Vật liệu cầm máu tự tiêu 7cmx5cmx1cm	76.858.780	104.807.423		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	38.429.390 151	
105	PP2500526929	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxit hóa tái tổ hợp	212.000.000	289.090.910		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	106.000.000 62	
106	PP2500526930	Vòng bảo vệ da chống loét	716.100	976.500		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	358.050 2	
107	PP2500526931	Băng dán vết thương 15cm x 20 cm	7.000.000	9.545.455		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	3.500.000 31	
108	PP2500526932	Kim sinh thiết tủy xương	46.999.000	64.089.546		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	23.499.500 13	
109	PP2500526933	Dây cố định canylin mở khí quản	8.999.900	12.272.591		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	4.499.950 13	

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mussamcong.mpi.gov.vn>

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
110	PP2500526934	Băng gạc dân vết mổ/vết thương trong suốt Kích thước 9cm x 15 (+0.5%)	12.000.000	16.363.637		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	6.000.000 74	
111	PP2500526935	Băng gạc dân vết mổ/vết thương trong suốt Kích thước 9cm x 20cm (+0.5%)	12.000.000	16.363.637		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	6.000.000 50	
112	PP2500526936	Băng gạc dân vết mổ/vết thương trong suốt Kích thước 9cm x 25cm (+0.5%)	7.200.000	9.818.182		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	3.600.000 25	
113	PP2500526937	Dây dẫn đường Hydrophilic (dây dẫn đường dùng trong niệu quản)	201.600.000	274.909.091		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	100.800.000 13	
114	PP2500526938	Ống thông niệu quản có vạch chia	13.620.000	18.572.728		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	6.810.000 4	
115	PP2500526939	Dây nối dài	31.724.000	43.260.000		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	15.862.000 494	

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mussamcong.mpi.gov.vn>

STT	Mã phân (0)	Tên phân (0)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
116	PP2500526940	Kim chày thận nhân tạo 17G	385.000.000	525.000.000		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	192.500.000 8631	
117	PP2500526941	Bông gòn dạng cuộn	7.371.168	10.051.593		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	3.685.584 6	
118	PP2500526942	Chỉ tam giác hợp đơn sợi Glyconate số 4/0, kim tròn 1/2C, dài 22mm	195.364.000	266.405.455		Vật y tế, hóa chất sinh phẩm	97.682.000 247	

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, khóa năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác áp dụng theo quy định tại Bảng số 01, Bảng số 02 Chương này.

Ghi chú:

(\*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ căn cứ tổng yêu cầu doanh thu của phần đó. Trường hợp gói thầu mua sắm tập trung áp dụng theo áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khoản 2 Điều 100 Luật Đấu thầu, yêu cầu về doanh thu của từng phần được xác định theo công thức quy định tại ghi chú số (7) Bảng số 01, ghi chú (9) Bảng số 02 Chương này (thay "gói thầu" bằng "gói dự thầu" trong công thức).

(\*\*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp gói thầu mua sắm tập trung áp dụng theo áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khoản 2 Điều 100 Luật Đấu thầu, yêu cầu về quy mô hợp đồng tương tự đối với từng phần được xác định theo ghi chú số (11) Bảng số 01, ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.

# BẢNG Y. BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯỞNG TỰ, NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều loại hàng hóa)

Gói thầu có nhiều loại hàng hóa: Không

Mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt

Yêu cầu nhân sự chủ chốt: Không

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí duy/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yêu cầu về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2023/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2023/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải quy thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Trình bày lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì; nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đầu thầu bảo vệ môi trường (nếu có);
- Các yêu cầu về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tên độ cung cấp hàng hóa;
- Yêu cầu bổ sung thêm môi trường;
- Các quá trình biên soạn hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, nhà khoa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2023/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2023/NĐ-CP (nếu có);
- Các yêu cầu bổ sung khác.

### Phương pháp đánh giá: Đạt/Không đạt

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

**Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Chọn phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);
- Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDDNT;
- Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập**

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm: Tổng giá đề nghị trong thầu của gói thầu là thấp nhất và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

**Chương IV: BIỂU MẪU MỜI THẦU**

**Mẫu số 01B – Phạm vi cung cấp hàng hóa**

Chú đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại, yêu cầu và các mô tả, điện giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Mã phân lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa <sup>(1)</sup>	Mã hàng hóa	Phần nhóm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa <sup>(2)</sup>	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) <sup>(3)</sup>	Địa điểm dự án	Tiến độ cung cấp hàng hóa <sup>(4)</sup>
1	PP250052682 5	Bảng dính có góc, có rãnh	Bảng dính có góc, có rãnh			Miếng/Cái	5.000	Theo quy định tại Chương V.		Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng
2	PP250052682 6	Bảng dính hóa chất	Bảng dính hóa chất			Bảng	500	Theo quy định tại Chương V.		Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

3	PP250052682	Bảng ghi cân bằng âm tỏa un 10x10 cm	Bảng ghi cân bằng âm tỏa un 10x10 cm								Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	nhà Chủ đầu tư
4	PP250052682	Bảng phim trong suốt có rãnh có rãnh kim hoàn	Bảng phim trong suốt, vô rãnh, có rãnh kim hoàn								Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
5	PP250052682	Bao trùm kính hiển vi	Bao trùm kính hiển vi								Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng

6	PP250052683	Bình dẫn lưu vết thương	Bình dẫn lưu vết thương								Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	nhà Chủ đầu tư
7	PP250052683	Bộ catheter chảy thận	Bộ catheter chảy thận								Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
8	PP250052683	Bộ catheter chọc động mạch	Bộ catheter chọc động mạch								Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng

9	PP250052683	Bộ catheter dẫn lưu chùi động dịch khoang màng phổi 3 trong 1	Bộ catheter dẫn lưu chùi động dịch khoang màng phổi 3 trong 1								Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	nhà Chủ đầu tư
10	PP250052683	Bộ catheter đường hầm dùng trong học mẫu dài hạn	Bộ catheter đường hầm dùng trong học mẫu dài hạn								Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
11	PP250052683	Bộ dẫn lưu áp lực trung bình 400ml	Bộ dẫn lưu áp lực trung bình 400ml								Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng

12	PP250052683	Bộ đo huyết áp xâm lấn 1 nông	Bộ đo huyết áp xâm lấn 1 nông								Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	nhà Chủ đầu tư
13	PP250052683	Bộ đo huyết áp xâm lấn 2 nông	Bộ đo huyết áp xâm lấn 2 nông								Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
14	PP250052683	Bộ khăn chính hình tổng quát	Bộ khăn chính hình tổng quát								Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng

15	PP250052683 9	Bộ tiêm truyền thể tích dần hồi điều chỉnh giọt tự động	Bộ tiêm truyền thể tích dần hồi điều chỉnh giọt tự động	Cái/Bộ	800	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
16	PP250052684 0	Bom tiêm 10ml đầu xoắn	Bom tiêm 10ml đầu xoắn	Cái / cây	3.000	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
17	PP250052684 1	Bom tiêm 1ml dành cho tiêm tiểu đường	Bom tiêm 1ml dành cho tiêm tiểu đường	Cái/ Chiếc	850	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

85

18	PP250052684 2	Bom tiêm 3ml đầu xoắn	Bom tiêm 3ml đầu xoắn	Cái/ Chiếc/ Cây	2.000	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
19	PP250052684 3	Bom tiêm 3ml đầu xoắn	Bom tiêm 3ml đầu xoắn	Cái	1.000	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
20	PP250052684 4	Bom tiêm 3ml đầu xoắn	Bom tiêm 3ml đầu xoắn	Cái	1.300	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

86

21	PP250052684 5	Bông bông nhũ trắng, dài trực tiếp, đường kính bông khoảng 18 - 20 mm	Bông bông nhũ trắng, dài trực tiếp, đường kính bông khoảng 18 - 20 mm	Cái/ Chiếc/ Bông	10	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
22	PP250052684 6	Bông bông nhũ trắng, dài trực tiếp, đường kính bông khoảng 18 - 20 mm	Bông bông nhũ trắng, dài trực tiếp, đường kính bông khoảng 18 - 20 mm	Cái	5	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
23	PP250052684 7	Cannula động mạch vành đầu xoắn	Cannula động mạch vành đầu xoắn	Cái/ Chiếc	20	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

87

24	PP250052684 8	Cannula tĩnh mạch cánh người lớn các cỡ	Cannula tĩnh mạch cánh người lớn các cỡ	Cái/ Chiếc	5	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
25	PP250052684 9	Cannula tĩnh mạch đùi nhiều lần các cỡ	Cannula tĩnh mạch đùi nhiều lần các cỡ	Cái/ Chiếc	5	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
26	PP250052685 0	Cannula tĩnh mạch hai tầng các cỡ	Cannula tĩnh mạch hai tầng các cỡ	Cái/ Chiếc	40	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

88

27	PP250052685 1	Cathter tinh mach mot tang dau thang clic oer	Cathter tinh mach mot tang dau thang clic oer						Tam Binh, Thanh pho Ho Chi Minh	cuia Chu dau tu
28	PP250052685 2	Cathter tao duong truyen tinh mạch trung tâm tử ngoại biến	Cathter tao duong truyen tinh mạch trung tâm tử ngoại biến						Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
29	PP250052685 3	Cathter tinh mach trung tâm đặt từ ngoại biến	Cathter tinh mach trung tâm đặt từ ngoại biến	Bộ/ Chi/ Chiếc	20	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ: <https://mucamcong.ngu.gov.vn>

99

30	PP250052685 4	Chi không tan đơn sợi phác hợp đơn sợi số 7/0, 2 kim tròn 3/8C dài 10mm	Chi không tan đơn sợi phác hợp đơn sợi số 7/0, 2 kim tròn 3/8C dài 10mm						Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
31	PP250052685 5	Chi không tan đơn sợi số 5/0, 2 kim tròn 3/8C, dài 13mm	Chi không tan đơn sợi số 5/0, 2 kim tròn 3/8C, dài 13mm						Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
32	PP250052685 6	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Nylon số 7/0, kim tan	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Nylon số 7/0, kim tan						Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ: <https://mucamcong.ngu.gov.vn>

99

33	PP250052685 7	Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 2/0, 2 kim thăng dài 70mm	Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 2/0, 2 kim thăng dài 70mm						Tam Binh, Thanh pho Ho Chi Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
34	PP250052685 8	Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 4/0, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C	Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 4/0, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C	Tên/Sợi	324	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
35	PP250052685 9	Chi không tan tự nhiền da sợi Silk 1/0, kim tròn, 1/2C,	Chi không tan tự nhiền da sợi Silk 1/0, kim tròn, 1/2C,	Tên/Sợi	700	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ: <https://mucamcong.ngu.gov.vn>

91

36	PP250052686 0	Chi phẫu thuật tổng hợp đơn sợi không titan số 5/0, 2 kim tròn 1/2C, dài 11mm	Chi phẫu thuật tổng hợp đơn sợi không titan số 5/0, 2 kim tròn 1/2C, dài 11mm						Tam Binh, Thanh pho Ho Chi Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
37	PP250052686 1	Chi tan cực chậm đơn sợi số 1, kim tròn 1/2C, dài 40mm	Chi tan cực chậm đơn sợi số 1, kim tròn 1/2C, dài 40mm	Tên/Sợi	1200	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
38	PP250052686 2	Chi tan nhành tổng hợp đơn sợi Glyconate số 4/0,	Chi tan nhành tổng hợp đơn sợi Glyconate số 4/0,	Tên/Sợi	100	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-CP tại địa chỉ: <https://mucamcong.ngu.gov.vn>

92

39	PP250052686 3	Kim hình thang dài 19mm	Kim hình thang dài 19mm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 3/0, kim tròn 1/2C 26mm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 3/0, kim tròn 1/2C 26mm	Tép/Sợi	1.562	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	của Chủ đầu tư
40	PP250052686 4	Chi tan tổng hợp đơn sợi có gai số 4/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	Chi tan tổng hợp đơn sợi có gai số 4/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 5/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 5/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	Tép/Sợi	150	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
41	PP250052686 5	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 3/0, kim tròn	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 3/0, kim tròn	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn 1/2C, dài 70cm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn 1/2C, dài 70cm	Tép/Sợi	4.250	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mua sắm công.mpi.gov.vn>

93

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mua sắm công.mpi.gov.vn>

94

42	PP250052686 6	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 1/0 dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 40mm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 1/0 dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 40mm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 5/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 5/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	Tép/Sợi	1.800	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
43	PP250052686 7	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 5/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 5/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn 1/2C, dài 70cm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn 1/2C, dài 70cm	Tép/Sợi	200	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
44	PP250052686 8	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn 1/2C, dài 70cm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn 1/2C, dài 70cm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn 1/2C, dài 70cm	Chi tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn 1/2C, dài 70cm	Tép/Sợi	72	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

45	PP250052686 9	Chi thép điện cực đơn sợi số 3/0, gồm 1 kim tròn 1/2C và 1 kim thẳng	Chi thép điện cực đơn sợi số 3/0, gồm 1 kim tròn 1/2C và 1 kim thẳng	Chi thép điện cực đơn sợi số 3/0, gồm 1 kim tròn 1/2C và 1 kim thẳng	Chi thép điện cực đơn sợi số 3/0, gồm 1 kim tròn 1/2C và 1 kim thẳng	Tép/Sợi	100	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
46	PP250052687 0	Đai Desault	Đai Desault	Đai Desault	Đai Desault	Cái	200	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
47	PP250052687 1	Đầu coi có lọc 10 -20 µL vô trùng	Đầu coi có lọc 10 -20 µL vô trùng	Đầu coi có lọc 200 µL vô trùng	Đầu coi có lọc 200 µL vô trùng	Hộp	110	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mua sắm công.mpi.gov.vn>

95

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mua sắm công.mpi.gov.vn>

96

48	PP250052687 2	Đầu coi có lọc 200 µL vô trùng	Đầu coi có lọc 200 µL vô trùng	Đầu coi có lọc 200 µL vô trùng	Đầu coi có lọc 200 µL vô trùng	Hộp	260	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
49	PP250052687 3	Ông thông dạ dày	Ông thông dạ dày	Ông thông dạ dày	Ông thông dạ dày	Cái/ Chiếu	3.160	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
50	PP250052687 4	Dây garo	Dây garo	Dây garo	Dây garo	Cái	435	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

51	PP250052687 5	Dạy oxy 1 nhành 8Ff	Dạy oxy 1 nhành 8Ff			Sơ	300	Theo quy định tại Chương V.			Tam Bình, Thành phố Hố Chí Minh	nhà Chủ đầu tư
52	PP250052687 6	Diện nhậy đùng trong phần thuật nhân khoa 2%	Diện nhậy đùng trong phần thuật nhân khoa 2%			Cải / Ông	400	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hố Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
53	PP250052687 7	Dùng cụ phẫu thuật	Dùng cụ phẫu thuật			Cải	50	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

54	PP250052687 8	Gạc dẫn lưu tiết rừng 1cm x 200cm x 4 lớp	Gạc dẫn lưu tiết rừng 1cm x 200cm x 4 lớp			Chiến	6.060	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hố Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
55	PP250052687 9	Gạc dẫn xung quanh ống mở khi quan	Gạc dẫn xung quanh ống mở khi quan			Miêng	550	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hố Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng
56	PP250052688 0	Gạc thấm dịch ruột thần có cân quang	Gạc thấm dịch ruột thần có cân quang			Miêng	10.000	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

57	PP250052688 1	Giấy phẫu thuật tiết trưng các cỡ	Giấy phẫu thuật tiết trưng các cỡ			Đôi	396.130	Theo quy định tại Chương V.			Tam Bình, Thành phố Hố Chí Minh	nhà Chủ đầu tư
58	PP250052688 2	Dạy giúp thờ	Dạy giúp thờ			Cải / Bq	30	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hố Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
59	PP250052688 3	Kẹo sinh học và trượt màu và màng nào Sml	Kẹo sinh học và trượt màu và màng nào Sml			Tuỳp	5	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

60	PP250052688 4	Khăn phẫu thuật có lỗ	Khăn phẫu thuật có lỗ			Cải / Bq	8.930	Theo quy định tại Chương V.			Tam Bình, Thành phố Hố Chí Minh	nhà Chủ đầu tư
61	PP250052688 5	Khẩu trang N95	Khẩu trang N95			Cải	2.960	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hố Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
62	PP250052688 6	Kim chọc hút tủy xương	Kim chọc hút tủy xương			Cải	205	Theo quy định tại Chương V.			Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

63	PP250052688 7	Kim luân tính mạch cao cấp	Kim luân tính mạch cao cấp	Cải	2.330	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
64	PP250052688 8	Kim đồng cho buồng tiêm dưới da	Kim đồng cho buồng tiêm dưới da	Cải	700	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư	
65	PP250052688 9	Kim luân có cánh, không cưa 24G	Kim luân có cánh, không cưa 24G	Cải	12.350	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng	

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mucsacong.mpi.gov.vn>

101

69	PP250052689 3	Loại vớ trùng lấy mẫu	Loại vớ trùng lấy mẫu	Lọ	10.470	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
70	PP250052689 4	Loại khăn làm ẩm sơ sinh cao cấp	Loại khăn làm ẩm sơ sinh cao cấp	Cải	80	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư	
71	PP250052689 5	Lưới lọc huyết khối tính mạch chủ đặt vĩnh viễn	Lưới lọc huyết khối tính mạch chủ đặt vĩnh viễn	Cải	10	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng	

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mucsacong.mpi.gov.vn>

102

66	PP250052689 0	Kim luân tính mạch an toàn có cánh có cổng các cỡ	Kim luân tính mạch an toàn có cánh có cổng các cỡ	Cải	159.330	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
67	PP250052689 1	Kim luân tính mạch không cánh, không cổng	Kim luân tính mạch không cánh, không cổng	Cải	200	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư	
68	PP250052689 2	Kim sinh thiết (phụ kiện sử dụng cho máy sinh thiết chân)	Kim sinh thiết (phụ kiện sử dụng cho máy sinh thiết chân)	Cải	25	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng	

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mucsacong.mpi.gov.vn>

102

72	PP250052689 6	Mạch máu nhân tạo chữ Y được làm nhựa gelatin chiều dài 40cm	Mạch máu nhân tạo chữ Y được làm nhựa gelatin chiều dài 40cm	Cải	5	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
73	PP250052689 7	Mạch máu nhân tạo chất liệu Polyester các cỡ	Mạch máu nhân tạo chữ Y, chất liệu Polyester các cỡ	Cải	5	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư	
74	PP250052689 8	Mạch máu nhân tạo thăng chất liệu Polyester chiều dài	Mạch máu nhân tạo thăng chất liệu Polyester chiều dài	Cải	5	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng	

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mucsacong.mpi.gov.vn>

104



87	PP250052691 1	Ông thông lấy huyết khối các cỡ	Ông thông lấy huyết khối các cỡ	Cải	100	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
88	PP250052691 2	Phối nhân tạo tích hợp da cấp cho người lớn và trẻ em	Phối nhân tạo nhân tạo tích hợp da cấp cho người lớn và trẻ em	Cải Độ	10	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
89	PP250052691 3	Quả lọc máu cho người lớn kèm dây dẫn	Quả lọc máu cho người lớn kèm dây dẫn	Quả	10	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mmsamcong.mpi.gov.vn>

109

90	PP250052691 4	Quả lọc thận highflux	Quả lọc thận highflux	Quả	1.600	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
91	PP250052691 5	Que gòn xét nghiệm	Que gòn xét nghiệm	Que	40.000	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
92	PP250052691 6	Que tán sỏi mắt thủy lực	Que tán sỏi mắt thủy lực	Que	5	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mmsamcong.mpi.gov.vn>

110

93	PP250052691 7	Que thử có chỉ thị hóa học	Que thử có chỉ thị hóa học	Que	54.000	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
94	PP250052691 8	Shunt động mạch vành	Shunt động mạch vành	Cải	10	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
95	PP250052691 9	Stent kim loại đại tràng	Stent kim loại đại tràng	Cải	5	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mmsamcong.mpi.gov.vn>

111

96	PP250052692 0	Stent kim loại tá tràng	Stent kim loại tá tràng	Cải	5	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
97	PP250052692 1	Tấm bóng rây tai	Tấm bóng rây tai	Gói	584	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
98	PP250052692 2	Tấm lót bệnh phẩm	Tấm lót bệnh phẩm	Túi	10	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ: <https://mmsamcong.mpi.gov.vn>

112

99	PP250052692 3	Thông tiêu 2 mảnh phủ silicon các cỡ	Thông tiêu 2 mảnh phủ silicon các cỡ							Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Chủ đầu tư
100	PP250052692 4	Túi hậu môn nhân tạo	Túi hậu môn nhân tạo							Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
101	PP250052692 5	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh có đế	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh có đế							Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng

Tải liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mumscong.mpi.gov.vn>

113

102	PP250052692 6	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh không đế	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh không đế							Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Chủ đầu tư
103	PP250052692 7	Túi tuyến áp lực cao	Túi tuyến áp lực cao							Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
104	PP250052692 8	Vật liệu cầm máu tự tiêu Tem5cm x1cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu Tem5cm x1cm							Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư

Tải liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mumscong.mpi.gov.vn>

114

105	PP250052692 9	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa tại 16 hợp	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa tại 16 hợp							Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Chủ đầu tư
106	PP250052693 0	Vòng bảo vệ da chống loét	Vòng bảo vệ da chống loét							Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
107	PP250052693 1	Bảng dán vết thương 15cm x 20 cm	Bảng dán vết thương 15cm x 20 cm							Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư

Tải liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mumscong.mpi.gov.vn>

115

108	PP250052693 2	Kim sinh thiết tủy xương	Kim sinh thiết tủy xương							Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Chủ đầu tư
109	PP250052693 3	Dây cố định camryn mở khi quấn	Dây cố định camryn mở khi quấn							Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư
110	PP250052693 4	Bảng gạc dân vết thương trong suốt Kịch	Bảng gạc dân vết thương trong suốt Kịch							Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phố Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đặt hàng của Chủ đầu tư

Tải liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mumscong.mpi.gov.vn>

116

111	PP250052693 5	Băng gác dẫn vết thương trong suốt thước 9cm x 20cm (±0,5%)	Băng gác dẫn vết thương trong suốt thước 9cm x 20cm (±0,5%)	thước 9cm x 15 (±0,5%)	thước 9cm x 15 (±0,5%)	Miếng	400	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
112	PP250052693 6	Băng gác dẫn vết thương trong suốt thước 9cm x 25cm (±0,5%)	Băng gác dẫn vết thương trong suốt thước 9cm x 25cm (±0,5%)	thước 9cm x 15 (±0,5%)	thước 9cm x 15 (±0,5%)	Miếng	200	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
113	PP250052693 7	Dây dẫn đường Hydrophilic (dây dẫn đường trong ống trong)	Dây dẫn đường Hydrophilic (dây dẫn đường trong ống trong)			Cái	100	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

117	PP250052694 1	Bông gòn dạng cuộn	Bông gòn dạng cuộn			Kg	48	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
118	PP250052694 2	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glycomate số 4/0, kim tròn 1/2C, dài 22mm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glycomate số 4/0, kim tròn 1/2C, dài 22mm			Sợi / Tép	2.000	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư

Chỉ phí đư phòng(%): 0

Ghi chú:  
(1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hàng mục hàng hóa, mỗi hàng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này.  
(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

114	PP250052693 8	Ông thông niệu quản có vách chia	Ông thông niệu quản có vách chia			Cái / Bộ	30	Theo quy định tại Chương V.	Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
115	PP250052693 9	Dây nối dài	Dây nối dài			Cái/Sợi	4.000	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư
116	PP250052694 0	Kim khâu thân nhân tạo 17G	Kim khâu thân nhân tạo 17G			Cái/Cây	70.000	Theo quy định tại Chương V.	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

(3) Áp dụng trong các trường hợp:

- Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đầu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-FSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Vì dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ... Liên minh Châu Âu (EU). Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...
- Chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước khi gói thầu mua sắm hàng hóa đáp ứng quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 10 của Luật Đầu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam, nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.
- (4) Ngày giao hàng phải hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V. Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về xuất xứ thì để trống nội dung này. Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mssamcong.mpi.gov.vn>

Yêu cầu dịch vụ liên quan: Không

(Chỉ áp dụng trong trường hợp Chỉ dẫn tư có yêu cầu cụ thể về vứt tư, phứt từng thay thế)

Các yêu cầu cụ thể về vứt tư, phứt từng thay thế: Không



**MẪU SỐ 02A. ĐƠN DƯ' THẦU<sup>01</sup>**

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

Ngày: *[Hệ thống tự trích xuất]*

Tên gói thầu: *Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025*

Kinh giới: *Định viện Đa khoa Thủ Đức*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: *[Hệ thống tự động trích xuất]* Mã số thuế: *[Hệ thống tự động trích xuất]* cam kết thực hiện gói thầu *Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025* số E-TRMT: *TP2500520039* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là *(VNĐ)* cùng với các bằng tổng hợp giá dự thầu kèm theo. Số tiền bằng chữ: *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Người ra, chúng tôi tự nguyện giám giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là: - %  
Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: - *(VNĐ)* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Số tiền bằng chữ: *[Hệ thống tự động trích xuất]*  
Hiệu lực của E-HSMT: *Ngày*, kể từ ngày có thời điểm đồng thuận.

Bao đảm dự thầu: *[Hệ thống tự động trích xuất]* / *gửi giữ tại bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*

Số tiền bằng chữ: *[Hệ thống tự động trích xuất]* / *gửi giữ tại bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu<sup>01</sup>: *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đồng thuận;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (câu hỏi không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, can thiệp và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đồng thuận, nhà thầu không có nhân sự (kỹ thuật) kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu<sup>01</sup>;

8. Không thông tin kê khai trong E-HSMT là trung thực;

9. Trường hợp tương tự, E-HSMT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSMT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSMT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 3.7.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu<sup>01</sup>;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.8.5 E-CDNT, trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo theo quy định tại Mục 1.8.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nội văn trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai lên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng<sup>01</sup>.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSMT.
- (2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.
- (3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đảm bảo giá này.
- (4) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sau khoản này như sau: "Trường hợp chúng tôi có các hành vi vi phạm này thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nội văn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai lên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đồng thuận và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT;

ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>

(*áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đối môi sống (ao)*)

Ngày: \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: *Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025*

Kính gửi: *Bệnh viện Đa khoa Thừa Đức*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_\_ [Đối với nhà thầu là cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên cá nhân và mã số thuế của cá nhân; đối với nhà thầu là nhóm cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 02C] cam kết thực hiện gói thầu *Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025* số E-TBMT: *IB2500520039* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] cùng với các thông tin tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Số tiền bằng chữ: \_\_\_\_

Ngoài ra, chúng tôi nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là: [Chỉ tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_ [Hệ thống tự động tính] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Số tiền bằng chữ: \_\_\_\_

Hiệu lực của E-HSDT: \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Bao đảm dự thầu: \_\_\_\_ [ ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của báo đảm dự thầu]

Số tiền bằng chữ: \_\_\_\_

Hiệu lực của Báo đảm dự thầu<sup>(b)</sup>: \_\_\_\_ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Chúng tôi cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mua sắm công.mpi.gov.vn>

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, từ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, từ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, từ trường hợp bất khả kháng<sup>(c)</sup>.

- Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
- Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu<sup>(d)</sup>;
- Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;
- Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
- Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;
- Có đủ năng lực sản xuất hàng hóa để thực hiện gói thầu<sup>(e)</sup>;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc báo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị báo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt. Sơ bộ chi, như báo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nếu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mang đầu thầu hợp bất khả kháng<sup>(f)</sup>.

Ghi chú:

- Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của cá nhân nhà thầu (hoặc thành viên được nhóm cá nhân phân công theo văn bản thỏa thuận) khi nhà thầu nộp E-HSDT.
- Trường hợp giá trị báo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.
- E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tự pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.
- Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu tài sản khoản này như sau: "Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nếu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mang đầu thầu hợp bất khả kháng<sup>(g)</sup>."

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mua sắm công.mpi.gov.vn>

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, từ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, từ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, từ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, từ trường hợp bất khả kháng<sup>(c)</sup>.

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://mua sắm công.mpi.gov.vn>

**VĂN BẢN THỎA THUẬN**

(Áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đối mới sáng tạo)

Ngày: \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_  
 Căn cứ E-HSMT của gói thầu: \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] với số E-TBMT: \_\_\_\_ [ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]  
 Chúng tôi gồm có:  
**Thành viên thứ nhất:**  
 Họ và tên: \_\_\_\_\_  
 Số CCCD/Hộ chiếu: \_\_\_\_ Ngày cấp: \_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Mã số thuế: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ: \_\_\_\_\_  
 Điện thoại: \_\_\_\_\_  
**Thành viên thứ hai:**  
 Họ và tên: \_\_\_\_\_  
 Số CCCD/Hộ chiếu: \_\_\_\_ Ngày cấp: \_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Mã số thuế: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ: \_\_\_\_\_  
 Điện thoại: \_\_\_\_\_  
 ...  
**Thành viên thứ n:**

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].
- Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận**
1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.
  2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
    - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
    - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
    - Nhóm cá nhân không trúng thầu;
    - Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư.
- Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

THÀNH VIÊN ĐƯƠNG ĐẦU NHÓM CÁ NHÂN [kí, ghi rõ họ tên]  
 CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM CÁ NHÂN [kí, ghi rõ họ tên]

Họ và tên: \_\_\_\_\_  
 Số CCCD/Hộ chiếu: \_\_\_\_ Ngày cấp: \_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Mã số thuế: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ: \_\_\_\_\_  
 Điện thoại: \_\_\_\_\_  
 Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cá nhân với các nội dung sau:

- Điều 1. Nguyên tắc chung**
1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm cá nhân để tham dự thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức.
  2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham dự gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của nhóm từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:
    - Bị từ chối thiết kế cho các bên trong nhóm;
    - Bị từ chối bảo đảm dự thầu cho cá nhân;
    - Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].
- Điều 2. Phân công trách nhiệm**
- Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] như sau:
- Phân công \_\_\_\_ [ghi tên cá nhân] làm thành viên đứng đầu nhóm, đại diện cho nhóm trong những phần việc sau:
- Sử dụng tài khoản, chứng thư số cá nhân để nộp E-HSDT cho cá nhân.
  - Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị trả E-HSDT.
  - Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cá nhân;
  - Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
  - Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

**MẪU SỐ 03. THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Gói thầu: \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Thông dự án/dự toán mua sắm: \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Căn cứ \_\_\_\_<sup>(a)</sup>, [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Căn cứ E-HSMT \_\_\_\_<sup>(a)</sup>, [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Căn cứ E-HSMT gói thầu: \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Mã số thuế: \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_  
 Chức vụ: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Mã số thuế: \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_  
 Chức vụ: \_\_\_\_\_

...

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Mã số thuế: \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]  
 Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_  
 Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_  
 Điện thoại: \_\_\_\_\_  
 Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

- Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gọi thầu \_\_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất].
- Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [Chỉ tên của liên danh].
- Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham dự thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:
  - Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
  - Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
  - Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] đối với từng thành viên như sau:

- Thành viên đứng đầu liên danh:
  - Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất thành lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phiên việc sau<sup>(1)</sup>;
  - Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.
  - Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;
  - Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
  - Ký làm kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
  - Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].
- Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây<sup>(2)</sup>:

- Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì tương ứng mà từng thành viên danh sách sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B). Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hàng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.
- Hệ thống tự động cấp nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên danh sách sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B). Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hàng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	---	--- %
2	Tên thành viên thứ 2	---	--- %
...	...	---	---
Tổng cộng			100%

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

- Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
  - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
  - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
  - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
  - Hủy thầu gọi thầu \_\_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên hệ thống mua sắm của tất cả các thành viên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**  
 [các nhận, chữ ký số]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**  
 [các nhận, chữ ký số]

Chỉ định:

**Mẫu số 04A (Scan đính kèm)**

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
 (Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên tự hướng (Bên nhận bảo lãnh): \_\_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]  
 Ngày phát hành bảo lãnh: \_\_\_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]  
 Bên bảo lãnh: \_\_\_\_\_ [ghi số trích xuất của Bảo lãnh dự thầu]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là \_\_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu/ thuộc dự án/dự toán mua sắm] \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_\_\_ [ghi số trích xuất của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên tự hướng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(2)</sup> sẽ thanh toán cho Bên tự hướng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên tự hướng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đầu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đầu thầu dẫn đến phải hủy thầu;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đầu thầu;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối chi trả tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, rút trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, rút trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, rút trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên tự hướng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.



Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngưng cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

**Dịch điện hợp pháp của ngân hàng**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:  
(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vì phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.  
(3) Ghi ngày có thời điểm được thanh theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm được thanh ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu năm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thời điểm hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư báo lãnh được coi là không hợp lệ.

hướng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.  
Trường hợp Nhà thầu không trong nhà, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSMT tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngưng cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

**Dịch điện hợp pháp của ngân hàng**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:  
(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vì phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:  
- Tên của cá nhân nhà thầu, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu liên danh A + B";  
- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)", trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo lãnh dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)".

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;  
- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng có giá trị bảo lãnh dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, định kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.  
(4) Ghi ngày có thời điểm được thanh theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm được thanh (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu năm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thời điểm hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư báo lãnh được coi là không hợp lệ.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(0)</sup>**  
(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): \_\_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]  
Ngày phát hành bảo lãnh: \_\_\_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]  
BẢO LÃNH DỰ THẦU số: \_\_\_\_\_ [ghi số trích về của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: \_\_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành nếu không thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy này]  
Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là: \_\_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu/hoặc dự án/dự toán mua sắm] \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_\_\_ [ghi số trích về của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và bằng chữ số cùng một lúc] \_\_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(0)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và bằng chữ số cùng một lúc] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm được thanh và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT;
2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đầu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đầu thầu dẫn đến phải hủy thầu;
3. Nhà thầu không thực hiện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đầu thầu;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, từ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trung thầu của Chủ đầu tư, từ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 21/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung từ trường hợp bất khả kháng.

7. Nhà thầu ký thành viên nào trong liên danh \_\_\_\_\_ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trung thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng.

**MẪU SỐ 05A. HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN<sup>(0)</sup>**  
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]  
Thông tin về tăng hợp đồng, một hợp đồng cần báo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng <sup>(1)</sup>	[ghi tăng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương: VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tên tất cả phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tên tất cả phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong từng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương: VND
Tên dự án/ dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kế khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kế khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III <sup>(0)</sup>	[ghi thông tin trong hợp đồng]		
1. Loại hàng hóa			



## MẪU SỐ 08. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ <i>(nhà thầu điền nội dung này)</i>	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(2)</sup>	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Chú thích:

- (1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì tổng hành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.
  - (2) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.
- Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT), theo yêu cầu của E-HSMT/số năm. Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.
- Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.
- Doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hàng năm (không

## MẪU SỐ 09A. PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>

*(chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)*

STT	Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

Chú thích:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, đối mới sáng tạo và chuyên đối số 16 chức danh thầu nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phạm vi công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đầu tư.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi ký hợp đồng nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc danh cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc danh cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSMT<sup>2</sup>, trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.



bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đăng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

- Báo sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:
    - phần ảnh minh họa tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tính chính của nội dung thể hiện kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
    - Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
  - Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực nội dung các tài liệu sau đây:
    - Bản bản kê khai tra quyết toán thuế;
    - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
    - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử.
    - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (kèm nhận số nộp tờ khai) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
    - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
    - Các tài liệu khác.
- Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đăng thầu.

## MẪU SỐ 09B. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐAM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>

STT	Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup>	Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup>	Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup>	Chú chú
1				
2				
...				

Chú thích:

- (1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu cần có vào giá trị khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.
- (2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.
- (3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.
- (4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

MẪU SỐ 10A. BẢNG TIỀN ĐỘ CUNG CẤP(\*)

Nhà thầu để xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư.

STT	Mã phần (0)	Tên phần (0)	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Tiến độ cung cấp hàng hoá	Tiến độ cung cấp nhà thầu để xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
3								
...								

Ghi chú:

Cột (1)-(2)-(3)-(4)-(5)-(6)-(7)-(8): Hệ thống tự trích xuất

Cột (9): Nhà thầu diễn

(\*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu để xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu để xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

có" thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

- Cột (12): Hệ thống tự trích xuất (nếu có). Trường hợp cột này bỏ trống và nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê:

- Để xuất của nhà thầu tại Mẫu này được trích xuất sang Mẫu 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C).

MẪU SỐ 10B. ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

STT	Mã phần (0)	Danh mục hàng hóa	Một hàng mẫu	Mã hàng hoá	Phân nhóm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hàng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1		Hàng hoá thứ 1												
2		Hàng hoá thứ 2												
...														
n		Hàng hoá thứ n												

Ghi chú:

- Cột (1)-(2)-(3)-(4)-(5)-(6)-(7)-(8)-(9)-(10)-(11)-(12)-(13)-(14): Hệ thống tự động trích xuất;

- Cột (4)-(7)-(8)-(9)-(10)-(11): Nhà thầu tự điền. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hàng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Ví dụ: nhà thầu kê khai trong Mẫu này Ký mã hiệu: "theo đề xuất kỹ thuật"; nhãn hiệu: "theo E-HSDT"; xuất xứ: "theo đề xuất kỹ thuật"; ...thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi: "không có" vào cột số (7). Trường hợp hàng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi: "không

MẪU SỐ 11.1 BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.1.B] (l)
3	Chi phí dự phòng	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 13A] (C) = e% x (M) + (l) [Hệ thống tự tính]
	Tổng cộng giá dự thầu (Kể cả chênh lệch đơn dự thầu)	(M) + (l) + (C) [Hệ thống tự tính]



MẪU SỐ 15B. BẢNG KẾ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Mã phân (b)	Tên hàng hoá	Giá chào của hàng hóa trong E-HSĐT (1)	Giá trị thuế các loại (II)	Kế khai các chi phí nhập ngoại (III)	Chi phí sản xuất trong nước (IV)	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước (V)
1		Hàng hoá thứ 1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2		Hàng hoá thứ 2					
...	...	...					
n		Hàng hoá thứ n					

- Ghi chú:  
 (1): Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (7) của Mẫu số 15A.  
 (2): Hệ thống tự động trích xuất đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).  
 (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.  
 (5), (6): Hệ thống tự tính.

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật: Chương V\_ Yeucaukyhuat\_Phumviemcap\_Camketchung.rar

MẪU SỐ 15C. BẢNG KẾ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Mã phân (b)	Tên hàng hoá	Nhà thầu là nhà thương mại		Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước	
			Giá chào của hàng hóa (1)	Giá trị thuế các loại (II)		Nhà thầu là nhà thương mại	$D(\%) = G^* / G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
1		Hàng hoá thứ 1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2		Hàng hoá thứ 2					
...	...	...					
n		Hàng hoá thứ n					(7)

- Ghi chú:  
 (1): Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (8) của Mẫu số 15A.  
 Trường hợp nhà thầu là nhà thương mại, Hệ thống trích xuất giá chào của hàng hóa, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước và giá trị thuế các loại.  
 Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất, Hệ thống trích xuất giá xuất xưởng, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước.

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG  
 Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;                      1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;                      1.3. "Nhà thầu" là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;                      1.4. "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan;                      1.5. "Tài liệu hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;                      1.6. "Giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá trị ghi trong hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);                      1.7. "Ngày" là ngày dương lịch, "năm" là 365 ngày;                      1.8. "Hàng hóa" gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng, sản phẩm, phương tiện, hàng tiêu dùng, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại;                      1.9. "Dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;                      1.10. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;                      1.11. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT.                      1.12. "Thời gian thực hiện hợp đồng" được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	<p>2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương bổ, bổ sung và giải thích cho nhau.                      2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:                      a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;                      b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);                      c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;                      d) E-ĐKC của hợp đồng.</p>

	<p>d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSĐT và Báo hợp đồng;</p> <p>g) E-HSĐT và các văn bản kèm đi kèm E-HSĐT (nếu có) của Nhà thầu;</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu kèm đi kèm E-HSMT (nếu có);</p> <p>l) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm các nội dung điều chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
3. Luật và ngôn ngữ	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
4. Thời gian báo	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thời hạn gửi "bằng văn bản" có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
5. Báo đảm thực hiện hợp đồng	<p>5.1. Báo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSĐT và Báo hợp đồng. Báo đảm thực hiện hợp đồng thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Bồi công bằng Séc bảo chi hoặc tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của chủ đầu tư đối với báo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phải hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp tài sản làm cầm cố hoặc tin dùng trong nước, chỉ nhận ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chỉ nhận doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Báo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là báo đảm không có điều kiện (trừ khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Báo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>5.3. Báo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không</p>

6. Kỳ hợp đồng thầu phụ	<p>hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả báo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
7. Giải quyết tranh chấp	<p>7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.</p>
8. Phạm vi công cấp	<p>Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.</p>
9. Tiền đại giao hàng lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	<p>Tiền đại giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc Mẫu số 01B (đối với hợp đồng theo đơn giá) hoặc Mẫu số 01C (đối với hợp đồng bản hợp) và Mẫu số 01D (Chương IV). Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
10. Trách nhiệm của Nhà thầu	<p>Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 E-ĐKCT và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKCT.</p>
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>11.1. Loại hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>11.2. Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng theo cơ sở báo đảm tiền độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.</p>
12. Thuế, phí, lệ phí	<p>12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư.</p>

12. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.	<p>12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.</p> <p>12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
13. Tạm ứng	<p>13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Báo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Báo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tin dùng trong nước hoặc chỉ nhận ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tạm ứng tạm cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.</p>
14. Thanh toán	<p>14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mua là hàng hoá đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Mục 9 E-ĐKCT và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.</p> <p>14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.</p>
15. Quyền tác giả	<p>15.1. Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ công trình thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư mà nhà thầu tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ vẫn thuộc về bên thứ ba đó.15.2. Quyền khác theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phải hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 E-ĐKCT không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lời cam kết của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu.</p>

17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	<p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>16.4. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKCT không làm thay đổi bất kỳ cam kết hoặc nghĩa vụ của Nhà thầu theo quy định tại E-ĐKCT liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>16.5. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKCT tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
18. Đóng gói hàng hoá	<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V, mẫu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hoá có xuất xứ.</p> <p>18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhất là quá các hoạt động thả, trong nước mưa, nước mặn và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như không cần, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.</p> <p>18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ kèm theo và bản ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm các Yêu cầu (nếu có) quy định ở E-ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.</p>
19. Bảo hiểm	<p>Tất cả những rủi ro trong quá trình sản xuất hoặc lắp đặt, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại E-ĐKCT, hư hại do thể này ra trong quá trình sản xuất hoặc lắp đặt, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	<p>20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hoá và các yêu cầu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại E-ĐKCT:</p> <p>a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chi phí như hàng hoá;</p> <p>b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hoá;</p> <p>c) Cung cấp tài liệu chỉ dẫn hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hoá;</p> <p>d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hoá trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này;</p> <p>e) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chi phí, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hoá.</p> <p>20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.</p>
21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	<p>21.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra.</p> <p>21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa</p>



**Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG**

<p><b>29. Chấm dứt hợp đồng</b></p>	<p>đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>28.2. Trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 E-DKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 22 E-DKC.</p>
<p><b>30. Hạn chế xuất khẩu</b></p>	<p>29.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng Văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 E-DKC;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;</p> <p>(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đầu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a) khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó.</p> <p>Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p> <p>29.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trường hợp hợp đồng, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền lợi hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.</p>

Điện thoại:

Fax:

Email:

**E-DKC 1.11**

Địa điểm dự án: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

**E-DKC 2.2 (f)**

Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng

2. E-BKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

4. E-BKC của hợp đồng;

5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;

7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;

8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);

9. Các tài liệu khác quy định tại E-BKCT

**E-BKC 4.1**

Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:

Người nhận: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức

Địa chỉ: Số 29 Phú Châu, phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02822444167

Fax:

Địa chỉ email: [phongvanmbj2025@gmail.com](mailto:phongvanmbj2025@gmail.com)

**E-DKC 1.1**

Chủ đầu tư là: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức

Địa chỉ: 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0305125081

Số tài khoản: 3714.0.1086024.000000 - Kho bạc nhà nước khu vực II - Phòng Giao dịch số 1

Điện thoại: 02822444167

Fax:

Email: [phongvanmbj2025@gmail.com](mailto:phongvanmbj2025@gmail.com)

Đại diện ủy quyền (nếu có):

**E-DKC 1.3**

Nhà thầu:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Số tài khoản:

**E-DKC 5.2**

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng 3 % giá hợp đồng

Hình thức của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định (13 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực).

**E-DKC 5.4**

Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng

**E-BKC 6.1**

Danh sách nhà thầu phụ:

**E-BKC 7.2**

Thời gian để tiến hành hóa giải: trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp

Giải quyết tranh chấp: Sau 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, mà hai bên không tiến hành hòa giải hoặc hai bên hòa giải không thành, thì một trong các bên có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án nơi có trụ sở làm việc của Chủ Đầu tư giải quyết. Tác cá các chi phí cho việc giải quyết tranh chấp do bên vi phạm chi trả.

**E-BKC 9**

Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: Hóa đơn, phiếu xuất kho;

Các tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa (đối với hàng hóa nhập khẩu; cung cấp hồ sơ nhập khẩu hợp lệ như: CO, CQ, tờ khai hải quan,...);

Tài liệu kiểm soát chất lượng hàng hóa.

Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

**E-BKC 11.1**

Loại hợp đồng: Đơn giá cố định

#### E-DKC 11.2

Giá hợp đồng: Cố định

#### E-DKC 12.3

Điều chỉnh thuế: Được phép

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán kết chỉnh sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chỉnh sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng

#### E-DKC 13.1

Tạm ứng: Không áp dụng

#### E-DKC 14.2

Phương thức thanh toán: a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Thông tin tài khoản nhận thanh toán:

- Tên Chủ tài khoản:

- Số tài khoản:

- Ngân hàng:

c) Thời gian thanh toán: Trong vòng 90 (chín mươi) ngày sau khi hai Bên đã bổ sung đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.

d) Chứng từ thanh toán:

- Hóa đơn giá trị gia tăng có thông tin phù hợp.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (08A).

- Một số chứng từ khác (nếu cần).

#### E-DKC 15.2

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://masamcong.mpi.gov.vn>

173

Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức. Địa chỉ: 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

#### E-DKC 22

Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:

1. Phạm vi phạm hợp đồng : Áp dụng

Trường hợp áp dụng phạm vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:

Trường hợp bắt đầu thi công theo quy định tại Mục 26 E-DKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 0.1%/ ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-DKC.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng

Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế. Ngoài ra, bởi hàng hóa của Nhà thầu gây thiệt hại cho Bên thứ ba do không đảm bảo chất lượng thì Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên thứ ba theo quy định của pháp luật

#### E-DKC 23.3

Thời hạn bảo hành là: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Địa điểm để áp dụng bảo hành là:

Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức. Địa chỉ: 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### E-DKC 23.5, E-DKC 23.6

Thời hạn sửa chữa, thay thế là: Nhà thầu phải phản hồi thông tin cho Chủ đầu tư trong vòng 4 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo về sự cố chất lượng hàng hóa của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu phải tiến hành các giải pháp khắc phục trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo của Chủ đầu tư đối với các sự cố liên quan đến hàng hóa kém chất lượng, bao gồm việc cung cấp lại hàng hóa mới theo đúng tiêu chuẩn chất lượng và yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

- Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục và cấp lại hàng hóa mới

#### E-DKC 27.7(d)

Trường hợp để xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://masamcong.mpi.gov.vn>

175

Quyền: Không có

#### E-DKC 18.2

Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định, phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định

#### E-DKC 19

Nội dung bảo hiểm: Không yêu cầu

#### E-DKC 20.1

Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng. Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng

#### E-DKC 20.2

Các dịch vụ bao gồm:

Không áp dụng

#### E-DKC 21.1

Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Hàng hóa phải còn nguyên bao bì, không rách nát, bể vỡ, xuống nát mọi dung bao bì trong - ngoài.

- Chủ đầu tư kiểm tra số lượng và tình trạng hàng hóa tại thời điểm giao nhận. Trường hợp nhận hàng nguyên đai, nguyên kiện, sau khi nhập kho nếu phát hiện hàng hóa chưa đúng về số lượng, chất lượng, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản và báo cho Nhà thầu để tiến hành kiểm tra và có biện pháp giải quyết. Sau 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo mà Nhà thầu không có ý kiến thì xem như đã chấp nhận những thất thoát, hư hỏng theo biên bản đã thông báo.

#### E-DKC 21.2

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://masamcong.mpi.gov.vn>

174

giá hợp đồng

Trường hợp ổ điện thông tin không đủ độ dài để diện các nội dung về hợp đồng cụ thể hoặc không thể điền được công thức thì đính kèm, tuy nhiên trong từng nội dung cụ thể phải ghi rõ tham chiếu đến tệp tin đính kèm:

Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://masamcong.mpi.gov.vn>

176

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bao bì kèm theo hiện hợp đồng và Mẫu bao bì kèm theo ứng dụng cho Nhà thầu trong thời gian chờ tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 16. (Webform trên Hệ thống)

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>01</sup>

\_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là "Nhà thầu")

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Chân cứ Quyết định số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư") về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gọi thầu \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu đã được chọn gọi thầu \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu]. Trong hợp gói thầu chứa thành phần thi hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất giá trong thời gian chờ quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gọi thầu là \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Để nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

*Trong hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Số thời gian hoàn thiện hợp đồng];

- Địa chỉ phương tiện điện tử: \_\_\_\_\_ [Số thời gian hoàn thiện, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];

- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

*Trong hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Số thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm<sup>02</sup> \_\_\_\_\_ [Số địa điểm hoàn thiện hợp đồng];

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biên bản báo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSWT với số tên \_\_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_\_ [Số số hiệu tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-DKCT của E-HSWT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biên bản báo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực tế hợp gói thầu.

Mẫu số 17A. HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ<sup>01</sup>

(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa không phải là mua sắm tập trung)

\_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ<sup>01</sup>

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Gọi thầu: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thông tin dự án: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ<sup>02</sup> \_\_\_\_\_ [Bản Điều lệ Dự án ngày 24 tháng 11 năm 2015] [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ<sup>03</sup> \_\_\_\_\_ [Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023] [được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15] [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của Chủ đầu tư về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gọi thầu \_\_\_\_\_ [Số tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của Chủ đầu tư [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Chân cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trong thời gian chờ ký kết hợp đồng, gồm có:

- Các tài liệu khác (nếu có), [Hệ thống để trống ký tự chữ Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:*

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:*

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]



Nếu đến ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_<sup>01</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biên bản báo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại báo đảm dự thầu.

Chi chi:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đúng toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung chi tiết, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) và điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian hợp vụ với thời gian quy định trong Mẫu Báo Bào Bì Dự Thầu.

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

*Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)*

Tên Đơn vị được ủy quyền: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

*Gửi ý ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (trong hợp đồng được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Hạt nhân mua hàng ký kết hợp đồng cùng cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng



GIẤY ỦY QUYỀN<sup>01</sup>

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gọi thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án dự toán mua sắm \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] số chức:

[ - Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp<sup>3</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>02</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.
- (2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Chỉ ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải báo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.



### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt.

#### Đánh giá đạt/không đạt theo từng phần dự thầu:

- Tất cả các tài liệu nhà thầu cung cấp để chứng minh E-HSMT đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật phải còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu và là bản scan bản gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của nhà thầu. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Trường hợp nhà thầu chào một hàng hóa (một hãng sản xuất, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu) vào nhiều phần (lô) thì chỉ được xem xét 01 phần (lô) theo xác nhận của nhà thầu, trong trường hợp Chủ đầu tư có công văn làm rõ mà nhà thầu không phản hồi thì theo quyền quyết định của Chủ đầu tư.

- E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### Các tiêu chí đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

Yêu cầu kỹ thuật	Đánh giá	
	Đạt	Không đạt
<b>I. Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa</b>		
Hàng hóa dự thầu có đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo từng danh mục tại Mục 1.2 – Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. Nhà thầu cần cung cấp các tài liệu kỹ thuật cũng như các tiêu chuẩn chất lượng chứng minh đáp ứng yêu cầu của E-HSMT có thể là: tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue của sản phẩm, giấy tờ, số liệu mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, chứng nhận ISO 13485 hoặc/và EC/CE hoặc/và FDA ....	Nội dung chứng minh đáp ứng yêu cầu	Nội dung chứng minh không đáp ứng yêu cầu
<b>II. Tính hợp lệ của hàng hóa và nhà thầu dự thầu:</b>		
<b>1. Hàng hóa dự thầu</b> <b>1.1 Hàng hóa dự thầu là thiết bị y tế</b> - Hàng hóa phải được lưu hành hợp pháp trên thị trường: Cung cấp hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế hoặc giấy chứng nhận đăng ký lưu hành thiết bị y tế hoặc tài liệu khác chứng minh hàng hóa đủ điều kiện lưu hành theo quy định pháp luật hiện hành.	Nội dung chứng minh đáp ứng yêu cầu	Nội dung chứng minh không đáp ứng yêu cầu

Yêu cầu kỹ thuật	Đánh giá	
	Đạt	Không đạt
<b>1.2 Hàng hóa dự thầu không phải là thiết bị y tế</b> Tài liệu lưu hành hàng hoá tại Việt Nam: Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Phiếu công bố sản phẩm hoặc Tờ khai nhập khẩu chứng minh hàng hóa được nhập khẩu hợp pháp vào thị trường Việt Nam hoặc tài liệu tương đương.	Nội dung chứng minh đáp ứng yêu cầu	Nội dung chứng minh không đáp ứng yêu cầu
<b>2. Nhà thầu dự thầu:</b> Nhà thầu phải đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế (trong trường hợp hàng hóa dự thầu của nhà thầu là thiết bị y tế loại B, C, D). Tài liệu chứng minh: Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế hoặc văn bản công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế.	Nội dung chứng minh đáp ứng yêu cầu	Nội dung chứng minh không đáp ứng yêu cầu
<b>III. Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>		
Tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi, phù hợp và đáp ứng yêu cầu tại Mẫu số 01B Webform trên Hệ thống. Tài liệu chứng minh: nội dung kê khai tại webform.	Nội dung chứng minh đáp ứng yêu cầu	Nội dung chứng minh không đáp ứng yêu cầu
<b>Kết luận:</b> Nhà thầu được kết luận “ĐẠT” khi tất cả các tiêu chí được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu có ít nhất 01 tiêu chí được đánh giá không đạt thì sẽ kết luận “KHÔNG ĐẠT” và sẽ không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.	<b>ĐẠT/ KHÔNG ĐẠT</b>	

## BẢN CAM KẾT CHUNG

- Nhà thầu: Công ty.....
- Địa chỉ của Nhà thầu: .....
- Mã định danh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: .....
- Chúng tôi, [điền tên Nhà thầu], tham dự gói thầu [điền tên gói thầu] của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức. Chúng tôi xin cam kết về E-HSDT và công tác cung ứng hàng hoá cho Chủ đầu tư với các nội dung sau đây:

### I. Về E-HSDT:

- Thông tin ghi trong file mềm gửi cho Chủ đầu tư đúng như file scan trong E-HSDT của chúng tôi đã nộp.

- Tài liệu kỹ thuật, catalogue cung cấp trong E-HSDT đều được nhà sản xuất công bố. Trong trường hợp Chủ đầu tư phát hiện có sự sai khác giữa bản nhà thầu nộp trong E-HSDT và bản do nhà sản xuất công bố thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm giải trình cho sự sai khác này, đồng thời Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu mang hàng hóa đến để kiểm tra, thử nghiệm, đối chiếu với nội dung đã nộp trong E-HSDT.

- Cam kết các thông tin trong E-HSDT đã cung cấp là chính xác, hợp pháp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung các thông tin này.

- Cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT nếu E-HSMT có yêu cầu (Trường hợp nhà thầu không cung cấp được hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT).

### II. Về cung ứng hàng hoá:

#### 1. Tiến độ cung ứng hàng hóa:

- Hàng hóa cung ứng đảm bảo đúng theo thông tin nêu trong E-HSDT, Quyết định trúng thầu đã được phê duyệt và phụ lục đính kèm hợp đồng. Nhà thầu thực hiện ngay việc thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản khi mặt hàng trúng thầu có những thay đổi thông tin so với thông tin đã dự thầu (cơ sở sản xuất, số đăng ký, quy cách sản phẩm, giá kê khai.....).

- Cung cấp đầy đủ hàng hóa trong hợp đồng theo nhu cầu của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Hàng hoá được giao tại kho vật tư thuộc Phòng Vật tư, thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức. Thời gian giao hàng chậm nhất là trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của bên mua (email hoặc điện thoại) và 08 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu qua điện thoại với trường hợp cấp cứu, không gián đoạn cung ứng vì bất kỳ lý do nào (kể cả trong trường hợp có trượt giá trong thời gian thực hiện hợp đồng). Nếu trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng, nhà thầu không giao hàng sẽ bị lập biên bản và xem xét đánh giá năng lực trong đợt thầu kế tiếp.

## 2. Chất lượng hàng hóa, dịch vụ sau bán hàng

- Hàng hoá cung ứng mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc rõ ràng và hợp pháp; đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Tất cả các hàng hoá dự thầu đều đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành.

- Trường hợp hàng hóa giao Chủ đầu tư kiểm tra không đảm bảo chất lượng (không đạt chất lượng về mặt cảm quan, biến đổi màu sắc, nhãn hàng hoá không đúng quy chế, bong, tróc, mờ...) hoặc có văn bản thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, chúng tôi cam kết có trách nhiệm đổi lô hàng khác tương ứng cùng loại theo hợp đồng đã ký tại Phụ lục đính kèm) và phải chịu hoàn toàn mọi phí tổn cho việc thay thế này.

- Dịch vụ sau bán hàng: trong vòng 48 giờ có mặt xử lý sự cố, có phương án khắc phục sự cố. Quá trình khắc phục không kéo dài hơn 05 ngày làm việc. Nếu quá thời gian trên mà nhà thầu chưa khắc phục được thì nhà thầu phải đổi hàng hóa mới cho bệnh viện và chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả về biến chứng gây ra cho người bệnh từ nguyên nhân kỹ thuật sản xuất.

- Đào tạo, tập huấn sử dụng, chuyên giao kỹ thuật liên quan đến hàng hóa trúng thầu khi sử dụng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Cung cấp đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ để thực hiện các dịch vụ kỹ thuật và có đầy đủ tài liệu pháp lý của dụng cụ, thiết bị hỗ trợ (nếu có) để đưa vào sử dụng tại Bệnh viện.

- Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao hàng nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân:

+ Không do lỗi của Chủ đầu tư trong thời gian 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

+ Cam kết thực hiện việc cung cấp hoặc giám sát việc cung cấp hàng hóa tại hiện trường; cam kết cung cấp các tài liệu chỉ dẫn chi tiết về cách sử dụng và cam kết đào tạo nhân sự về việc bảo quản, sử dụng hàng hóa tại đơn vị sử dụng;

+ Cam kết bảo hành hàng hóa đối với hàng hóa có yêu cầu bảo hành nêu tại E-HSMT.

- Nội dung tài liệu hướng dẫn sử dụng, nhãn phụ (đối với hàng hóa nhập khẩu), catalog đi kèm với hàng hóa khi cung ứng cho Chủ đầu tư hoàn toàn trùng khớp với nội dung trong tài liệu hướng dẫn sử dụng, catalog kèm theo hồ sơ đăng ký đã được Bộ Y tế (hoặc cơ quan có thẩm quyền) cấp phép. Trường hợp để xảy ra sai lệch thông tin ảnh hưởng đến chất lượng khi sử dụng, gây ảnh hưởng về sức khỏe, tính mạng và kinh tế của người bệnh cũng như của Chủ đầu tư thì chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Có hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt.

## 3. Hạn sử dụng của hàng hóa

- Hạn sử dụng của hàng hóa cung cấp còn tối thiểu 12 tháng với hàng hóa có hạn sử dụng 24 tháng trở lên; ½ hạn sử dụng đối với hàng hóa có hạn sử dụng từ 6 tháng đến 24 tháng; theo tiêu chuẩn nhà sản xuất đối với hàng hóa có hạn sử dụng dưới 6 tháng. Riêng đối với hàng hóa không có hạn sử dụng thì yêu cầu ngày sản xuất của hàng hóa từ năm 2025 trở lại đây.

## III. Nội dung khác

1. Cam kết số liệu tài chính kê khai trong E-HSMT đúng với số liệu đã kê khai với

cơ quan thuế.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, hàng hóa cung ứng đã có giá kê khai/nhiệm yết còn hiệu lực theo đúng quy định tại Khoản 9, 10, 13 Điều 1 Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Đồng thời, trong toàn bộ quá trình cung ứng, nếu có thay đổi các thông tin liên quan đến nội dung kê khai giá, chúng tôi tuân thủ việc thông báo kịp thời bằng văn bản cho Chủ đầu tư. Tuyệt đối không cung ứng hàng hóa không có giá kê khai/nhiệm yết hoặc cao hơn giá kê khai hoặc giá nhiệm yết. Trường hợp cung ứng cao hơn giá kê khai/nhiệm yết nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đền bù cho Chủ đầu tư khoản chênh lệch giá cung ứng so với giá kê khai/nhiệm yết.

3. Nếu cơ quan Bảo hiểm xã hội TP Hồ Chí Minh hoặc cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo Vật tư y tế - Hóa chất có giá cao hơn so với các kết quả lựa chọn nhà thầu khác trên cùng địa bàn TP Hồ Chí Minh trong thời gian 12 tháng gần nhất thì nhà thầu phải có trách nhiệm giải trình, thương thảo giá lại với chủ đầu tư. Trong đó:

- Nếu nhà thầu đồng ý thương thảo giá và mức giá thương thảo lại phù hợp với mức giá cơ quan Bảo hiểm xã hội TP Hồ Chí Minh hoặc cơ quan có thẩm quyền công bố, nhà thầu và chủ đầu tư ký kết biên bản điều chỉnh giá trúng thầu và/hoặc đơn giá ký kết hợp đồng.

- Nếu nhà thầu có giải trình phù hợp và cung cấp được các bằng chứng chứng minh mức giá hình thành là hợp lý, phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành, chủ đầu tư ghi nhận, ký kết biên bản làm việc với nhà thầu và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để xem xét.

- Nếu nhà thầu không có lý do phù hợp, không có bằng chứng chứng minh được cấu thành mức giá phù hợp theo quy định của pháp luật, nhà thầu chọn thực hiện một trong hai cách dưới đây hoặc chủ đầu tư sẽ chọn nếu nhà thầu không đồng ý thực hiện:

+ Chủ đầu tư không ký kết hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với nhà thầu, báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền và ưu tiên lựa chọn sản phẩm thay thế.

+ Nhà thầu bồi hoàn khoản chênh lệch giá về ngân sách nhà nước và các khoản khác theo quy định của nhà nước, BHYT và các văn bản pháp luật có liên quan nếu đơn giá hàng hóa cao hơn làm thiệt hại đến Bệnh viện và Bệnh nhân.

3. Nhà thầu cam kết hàng hóa dự thầu không thuộc diện bị thu hồi các tài liệu như: số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B; Số đăng ký lưu hành đối với trang thiết bị y tế loại C, D; Số Giấy phép nhập khẩu,... Nhà thầu cam kết hàng hóa đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, chứng nhận liên quan, và chịu trách nhiệm pháp lý trong trường hợp vi phạm hoặc bị xử phạt liên quan đến hàng hóa không đáp ứng tính hợp lệ theo quy định.

Trên đây là toàn bộ nội dung cam kết của Công ty chúng tôi với Chủ đầu tư và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật thực hiện nghiêm túc các cam kết trên. Trong trường hợp có sai sót, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp nhận bị xử lý như đã quy định trong E-HSMT và pháp luật về đấu thầu.

\_\_\_\_\_, ngày \_\_ tháng \_\_ năm \_\_  
**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

[Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu]





## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật:**

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

##### **1.1. Giới thiệu chung về gói thầu**

- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025.
- Tên dự toán: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao bổ sung năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Nguồn vốn: Nguồn tài chính hợp pháp năm 2025 và năm 2026 theo quy định của pháp luật của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 150 ngày;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm gửi đơn đặt hàng của Chủ đầu tư;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Địa điểm dự án: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức – số 29 đường Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

##### **1.2 Yêu cầu về kỹ thuật**

###### **a. Yêu cầu kỹ thuật chung**

- ❖ Hàng hoá dự thầu là thiết bị y tế
  - Nhà thầu phải đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế (trong trường hợp hàng hóa dự thầu của nhà thầu là thiết bị y tế loại B, C, D).
  - Hàng hóa phải được lưu hành hợp pháp trên thị trường: Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế hoặc tài liệu khác chứng minh hàng hóa đủ điều kiện lưu hành theo quy định pháp luật hiện hành.
- ❖ Hàng hoá dự thầu không là thiết bị y tế
  - Tài liệu lưu hành hàng hoá tại Việt Nam: Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Phiếu công bố sản phẩm hoặc Tờ khai nhập khẩu chứng minh hàng hóa được nhập khẩu hợp pháp vào thị trường Việt Nam hoặc tài liệu tương đương.
- ❖ Tiến độ cung cấp hàng hóa: theo biểu **Mẫu số 01B Phạm vi cung cấp hàng hóa** (webform hệ thống).

❖ Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa dự thầu: Hàng hóa dự thầu phải đáp ứng một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau:

- Tiêu chuẩn chất lượng châu Âu (CE Mark – Certificate hoặc EC Certificate)
- Hoặc ISO 13485
- Hoặc TCCS
- Hoặc TCVN
- Hoặc các tài liệu tiêu chuẩn chất lượng khác

#### **b. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể**

- Hàng hóa dự thầu phải đáp ứng các đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn chất lượng, số lượng được nêu trong **Mẫu số 01B Phạm vi cung cấp hàng hóa** đính kèm.

#### **1.3. Yêu cầu khác**

- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.
- Tất cả tài liệu nhà thầu cung cấp trong E-HSDT sử dụng ngôn ngữ khác thì phải có bản dịch tiếng Việt nộp kèm theo (Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch nộp kèm).
- Trường hợp tài liệu được cấp trực tuyến thì phải được ký tên, đóng dấu của nhà thầu hoặc dấu của tổ chức đứng tên trên tài liệu và cung cấp đường dẫn tra cứu từ cổng thông tin điện tử của cơ quan đăng tải (nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung).
- Nhà thầu có nghĩa vụ giao hàng theo đúng đơn đặt hàng trong vòng 24 giờ từ thời điểm Chủ đầu tư gửi thành công đơn đặt hàng qua email. Trong trường hợp Nhà thầu không thể giao hàng trong thời gian quy định nêu trên, Nhà thầu phải gửi văn bản chính thức đến Chủ đầu tư về việc chậm trễ giao hàng, lý do chậm trễ, thời gian dự kiến có thể cung cấp với số lượng theo đơn đặt hàng và các biện pháp khắc phục về việc không thể giao hàng;
- Dịch vụ sau bán hàng: trong vòng 48 giờ có mặt xử lý sự cố, có phương án khắc phục sự cố. Quá trình khắc phục không kéo dài hơn 05 ngày làm việc. Nếu quá thời gian trên mà nhà thầu chưa khắc phục được thì nhà thầu phải đổi hàng hóa mới cho bệnh viện và chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả về biến chứng gây ra cho người bệnh từ nguyên nhân kỹ thuật sản xuất.
- Nhà thầu cung cấp đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ để thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, bao gồm cả hóa chất, vật tư dùng để thẩm định (hỗ trợ miễn phí) trước khi đưa vào sử dụng và tập huấn sử dụng, chuyển giao kỹ thuật liên quan đến hàng hóa trúng thầu khi sử dụng theo yêu cầu của Chủ đầu tư và có đầy đủ tài liệu pháp lý của dụng cụ, thiết bị hỗ trợ (nếu có) để đưa vào sử dụng tại Bệnh viện.
- Hạn dùng của hàng hóa: Hạn sử dụng của hàng hóa cung cấp còn tối thiểu 12 tháng với hàng hóa có hạn sử dụng 24 tháng trở lên; ½ hạn sử dụng đối với hàng hóa có hạn sử dụng từ 6 tháng đến 24 tháng; theo tiêu chuẩn nhà sản xuất đối với hàng hóa có hạn sử dụng dưới 6 tháng. Riêng đối với hàng hóa không có hạn sử dụng thì yêu cầu ngày sản xuất của hàng hóa từ năm 2025 trở lại đây.

**1.3.1. Bảng danh mục hàng hóa dự thầu:** Nhà thầu kê khai đầy đủ theo mẫu dưới đây và cung cấp file định dạng excel kèm E-HSDT, kèm bản in ký đóng dấu hợp lệ. (mẫu 22 đồng bộ với các thông tin tại mẫu 10B, 12.1B)

Mẫu số 22

**DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU**

Tên nhà thầu:

Stt	Mã phân/lô	Tên hàng hóa	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Tên vật tư y tế theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc TT 04/2017/TT-T-BYT	Đặc tính kỹ thuật sản phẩm dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng / Nước chủ sở hữu	Phân loại trang thiết bị y tế (nếu có)	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Mã vật tư y tế theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc TT 04/2017/TT-BYT	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Hạn sử dụng (chỉ áp dụng đối với hàng hóa có vòng đời trong vòng 12 tháng)	Năm sản xuất	Mã định danh	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1																			
2																			
3																			

ngày .... tháng ... năm .....

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Các cột (2), (3), (4) ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa theo E-HSMT;

Các cột (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18) ghi thông tin sản phẩm tham dự thầu và phù hợp với tài liệu lưu hành, thông tin đã được kê khai trên công báo hiểm để xin cấp mã theo QĐ 5086/QĐ-BYT;

Cột (13): hàng hóa được cấp nhiều theo QĐ 5086/QĐ-BYT hoặc TT 04/2017/TT-BYT thì ghi đầy đủ các mã, cách nhau bằng dấu “;” và không có khoảng trắng.

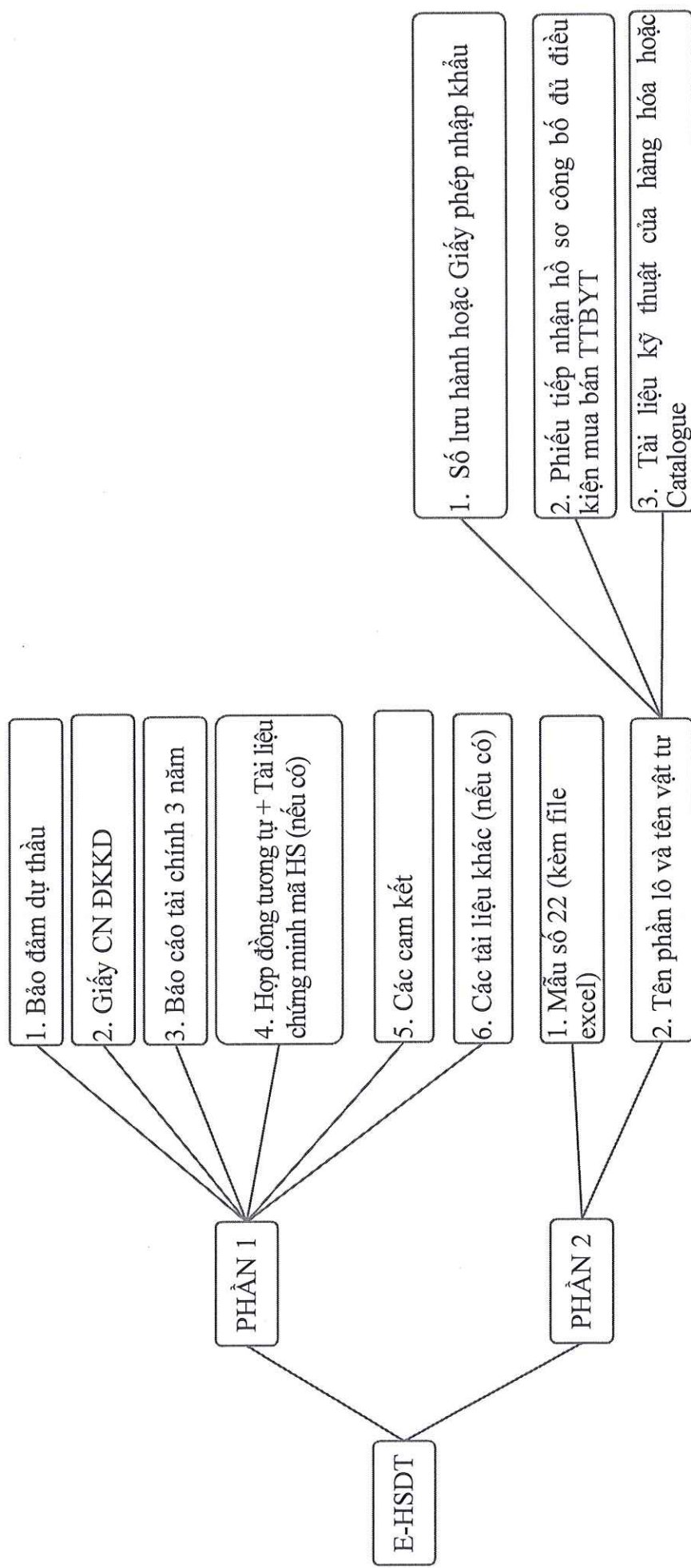
Cột (17): Đối với hàng hóa có tuổi thọ ≤ 12 tháng, ghi tuổi thọ hàng hóa (ví dụ: “12 tháng”; “9 tháng”) Đối với hàng hóa có tuổi thọ > 12





tháng, để trống nội dung này

❖ **Lưu ý:** Nhà thầu cung cấp thông tin, các file dữ liệu của hàng hóa đính kèm E-HSDT phải được phân chia riêng biệt theo folder, mỗi folder là 01 phần/lô, trong mỗi folder tách riêng các file tài liệu và đánh số thứ tự. Trong trường hợp có nhiều file tài liệu kỹ thuật, nhà thầu tách ra thành từng file nhỏ (*chi tiết theo cây thư mục đính kèm*). Nhà thầu sử dụng công cụ **đánh dấu (highlight)**: tên hàng hóa, model, nội dung kỹ thuật chứng minh đáp ứng của hàng hóa tại các file tài liệu đính kèm để dễ tra cứu.



(\*): Hướng dẫn này chỉ nhằm mục đích thống nhất cách sắp xếp tài liệu trong E-HSDT và không mang tính chất điều kiện để loại nhà thầu.



**Mục 2. Bản vẽ:** Không có bản vẽ

**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Quy định chi tiết tại E-ĐKC 21.1 Chương VII – Điều kiện cụ thể của hợp đồng





**PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA**  
**GÓI THẦU: MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO BỔ SUNG NĂM 2025**

STT	Mã phân lô	Tên phân lô	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Mô tả hàng hóa
1	PP2500526825	Băng dính có gạc, có rãnh		Miếng/ Cái	5.000	11.900.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Băng vải không dệt (Elastic Non-woven fabric) màu nâu hoặc màu trắng, co giãn, thông thoáng, mềm mại, không gây kích ứng da.</li> <li>- Thiết kế hình chữ U</li> <li>- Kích thước: 6cm x 7cm, bốn góc bo tròn tránh bung mép</li> <li>- Kích thước miếng gạc 1.5cm x 2.5cm, thấm hút dịch, cố định, chen chắn chỗ kim luồn, phủ keo Acrylic an toàn cho mọi loại da</li> <li>- Trên lớp giấy bảo vệ có thêm 2 miếng băng dán giúp cố định chắc dây truyền.</li> <li>- Tiết trùng từng miếng E.O Gas</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA</li> </ul>
2	PP2500526826	Băng đựng hóa chất		Băng	500	963.175.500	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Băng đựng hóa chất H2O2 dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp STERRAD 100S</li> <li>- Thành phần: H2O2 ≥ 50%</li> <li>- Tương thích với máy STERRAD 100S</li> <li>- Đạt các tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA</li> </ul>
3	PP2500526827	Băng gạc cân bằng ẩm tối ưu 10x10 cm		Miếng	200	16.040.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Băng xốp polyurethane có ≥ 3 lớp, không có viên băng keo</li> <li>- Siêu thấm hút dịch tiết, duy trì độ ẩm tối ưu cho vết thương.</li> <li>- Tiết trùng từng miếng</li> <li>- Kích thước 10cm x 10cm</li> </ul>
4	PP2500526828	Băng phim trong suốt vô trùng, có rãnh kim luồn		Miếng/ Cái/ Chiếc	1.000	12.500.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Băng dính trong suốt cố định kim luồn ngoài biên, dành cho người lớn.</li> <li>- Màng bán thấm trong suốt bằng Polyurethane có phủ keo dán.</li> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều rộng: trong khoảng 6 cm đến 7 cm.</li> <li>+ Chiều dài: trong khoảng 7 cm đến 7.5 cm.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: ngăn cản nước, vi khuẩn</li> <li>- Các góc băng dính bo tròn, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luồn.</li> <li>- Có khung viền giấy.</li> <li>- Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng.</li> <li>- Tiết khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc CE</li> </ul>
5	PP2500526829	Bao trùm kính hiển vi		Cái	50	1.050.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để bao kính vi phẫu</li> <li>- Kích thước 150 x 200 cm</li> <li>- Dùng dẫn lưu vết thương</li> </ul>
6	PP2500526830	Bình dẫn lưu vết thương		Cái/ Chiếc/ Bình	650	52.000.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bình 3 lít xo, chất liệu: nhựa PVC nguyên chất trong y tế, không chứa Latex.</li> <li>+ Ống nhựa PVC</li> <li>+ Đầu nối hình chữ Y,</li> <li>+ Ống dẫn có Trocar bằng thép không gỉ.</li> <li>+ Có Van Anti-Reflux.</li> </ul> </li> <li>- Thiết kế tối ưu hạn chế tối thiểu gập gãy</li> <li>- Dung tích: 200ml</li> <li>- Tiết trùng.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO, CE</li> </ul>
7	PP2500526831	Bộ catheter chạy thận		Bộ	160	61.920.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Catheter chạy thận nhân tạo 12F dài 20cm</li> <li>Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Catheter dây nối thẳng làm bằng vật liệu polyurethan, tương thích sinh học, không latex.</li> <li>- Dây dẫn đầu J 0.038" x 60cm</li> <li>- 01 cây nông 8F x 10cm / 10F x 14cm/ 10Fx10cm</li> <li>- 01 cây nông 12Fx 15cm / 12.5Fx 14cm</li> <li>- Kim Y dẫn đường 18G x 7cm</li> <li>- 02 cái bơm tiêm</li> <li>- Dao mổ</li> <li>- 02 cái nắp Heparin</li> <li>- Tốc độ Tĩnh mạch ≥ 285ml/min</li> <li>- Tốc độ Động mạch ≥ 285ml/min</li> </ul> </li> <li>- Tiêu chuẩn ISO, CE</li> </ul>
8	PP2500526832	Bộ catheter chích động mạch 20G/80mm		Bộ	500	234.999.500	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ catheter động mạch theo dõi huyết áp xâm lấn và lấy máu.</li> <li>- Kim bằng thép không gỉ, kích cỡ 20G, dài 80mm</li> <li>- Cannula 0.8 -&gt; 0.95G, dài 50mm ± 2</li> <li>- Dây dẫn đường bằng thép không gỉ, dài 25cm ± 2</li> <li>- Catheter bằng FEP</li> <li>- Khóa luer lock để cố định</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE / FDA</li> </ul>
9	PP2500526833	Bộ catheter dẫn lưu chủ động dịch khoang màng phổi 3 trong 1		Bộ	20	274.800.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dẫn lưu chủ động dịch màng phổi 3 trong 1 dùng một lần dùng trong điều trị tràn dịch màng phổi keo dai.</li> <li>- Bộ dụng cụ gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bộ đặt ống dẫn lưu với catheter dẫn lưu 15.5Fr silicone, dài 66 cm có van dẫn lưu một chiều an toàn kín</li> <li>+ Khớp nối Polyester, có đường hiển thị</li> <li>+ Kim chọc</li> <li>+ Dây dẫn hướng guidewire đầu chữ J 60 cm</li> <li>+ Ống mở đường 16 Fr có nắp van xé được (chiều dài dilator 13.7 cm, chiều dài sheath 10 cm)</li> <li>+ Que luồn tunneler</li> <li>+ Nút cầm kim</li> <li>+ Bơm tiêm 10 ml</li> <li>+ Dây dẫn lưu có kẹp con lăn với đầu kết nối có khóa,</li> <li>+ Kim 17G x 2.5 cm, adapter 5in1, nắp van</li> <li>+ Bộ băng bó cố định dây dẫn lưu ngoài da với tấm đệm catheter</li> <li>+ Các 10 2cm x 10 2cm (x6), miếng dán tự dính bảo vệ vùng can thiệp</li> </ul> </li> <li>- Catheter dùng trong lọc máu dài hạn.</li> <li>- Chất liệu Catheter làm bằng polyurethane chiều dài từ đầu tip đến cuff là 19cm - 27cm;</li> <li>- Đường kính 14.5Fr</li> <li>- Bộ Catheter gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 01 thanh luồn catheter 15Fr có van khóa khí tự động,</li> <li>+ 01 cây nông 10-12Fr và 01 cây nông 8Fr, 01 Stylet ( tùy chọn)</li> <li>+ 01 cây tạo đường hầm</li> <li>+ 02 nắp đậy/nút chặn</li> <li>+ 01 dây guidewire 0.038"</li> <li>+ 01 kim dò 18G</li> <li>+ Dao mổ</li> <li>+ 02 băng gạc 2x2 Inch</li> </ul> </li> <li>- Đầu catheter thiết kế đối xứng hạn chế sự tái lọc, tỷ lệ tái lọc bằng hoặc dưới 1%; trên 4 lỗ bên, van khóa khí tự động ngăn ngừa truyền tắc khí và máu trào ngược.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>
10	PP2500526834	Bộ catheter đường hầm dùng trong lọc máu dài hạn		Bộ	30	174.195.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Catheter làm bằng polyurethane chiều dài từ đầu tip đến cuff là 19cm - 27cm;</li> <li>- Đường kính 14.5Fr</li> <li>- Bộ Catheter gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 01 thanh luồn catheter 15Fr có van khóa khí tự động,</li> <li>+ 01 cây nông 10-12Fr và 01 cây nông 8Fr, 01 Stylet ( tùy chọn)</li> <li>+ 01 cây tạo đường hầm</li> <li>+ 02 nắp đậy/nút chặn</li> <li>+ 01 dây guidewire 0.038"</li> <li>+ 01 kim dò 18G</li> <li>+ Dao mổ</li> <li>+ 02 băng gạc 2x2 Inch</li> </ul> </li> <li>- Đầu catheter thiết kế đối xứng hạn chế sự tái lọc, tỷ lệ tái lọc bằng hoặc dưới 1%; trên 4 lỗ bên, van khóa khí tự động ngăn ngừa truyền tắc khí và máu trào ngược.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>

STT	Mã phần (lô)	Tên phần lô	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Mô tả hàng hóa
11	PP2500526835	Bộ dẫn lưu áp lực trung bình 400ml		Bộ	600	317.999.400	- Dung tích 400ml - Chất liệu: PVC hoặc silicone - Có vạch chia mức dịch dẫn lưu; - Bao gồm: + 01 vacuum + 01 drain, chiều dài ống drain 800mm + 01 trocar - Ống nối dài 125cm - Kết nối dây dẫn lưu redon và dây nối bằng khóa universal; - Kết nối bình dẫn lưu và dây nối bằng khóa large lock connector - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn ISO
12	PP2500526836	Bộ đo huyết áp xâm lấn 1 nòng		Bộ	200	133.999.800	- Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường tích hợp DPT dùng để theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn liên tục cho kết quả đọc chính xác, dễ sử dụng. - Bộ gồm: + 1 đoạn dây có đường sọc đỏ chiều dài 180cm và đoạn dây có đường sọc xanh dài 150cm, làm bằng vật liệu PVC không latex. + Khóa 4 ngã nguyên liệu Polycarbonate. + Bộ truyền dịch không lỗ nguyên liệu PVC không DEHP dài 180cm±3cm, + Tương thích với các loại monitor, dây cable - Bộ dẫn truyền cảm ứng 2 đường tích hợp DPT dùng để theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn liên tục cho kết quả đọc chính xác, dễ sử dụng. - Bộ gồm: + 2 đoạn dây (xanh hoặc đỏ) dài 150cm, làm bằng vật liệu PVC không DEHP và không latex. + Khóa 4 ngã (xanh hoặc đỏ) nguyên liệu Polycarbonate. + Dây truyền dịch dài 130cm±3cm, nguyên liệu PVC không DEHP + 2 dây nối, mỗi dây dài 50cm + Buồng nhỏ giọt PVC mềm 80mm, có màng lọc 15micron, đầu nhọn 1 chiều + Co nối M/F - Tương thích với các loại monitor, dây cable
13	PP2500526837	Bộ đo huyết áp xâm lấn 2 nòng		Cái/ Bộ	100	94.999.900	- Bộ dẫn truyền cảm ứng 2 đường tích hợp DPT dùng để theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn liên tục cho kết quả đọc chính xác, dễ sử dụng. - Bộ gồm: + 2 đoạn dây (xanh hoặc đỏ) dài 150cm, làm bằng vật liệu PVC không DEHP và không latex. + Khóa 4 ngã (xanh hoặc đỏ) nguyên liệu Polycarbonate. + Dây truyền dịch dài 130cm±3cm, nguyên liệu PVC không DEHP + 2 dây nối, mỗi dây dài 50cm + Buồng nhỏ giọt PVC mềm 80mm, có màng lọc 15micron, đầu nhọn 1 chiều + Co nối M/F - Tương thích với các loại monitor, dây cable
14	PP2500526838	Bộ khăn chỉnh hình tổng quát		Bộ	500	235.000.000	- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc CE - Làm bằng vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp. Khả năng chống thấm cao: chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. - Xung quanh phẫu trường có lớp vải siêu thấm. - Bề mặt xơ vải thấp, độ thoáng khí cao, mềm mại, thoải mái và không gây kích ứng da. - Tiệt trùng bằng khí EO - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485, ASTM F1670 - Bộ khăn gồm: + 1 khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMMMS 140x200cm; + 1 khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMMMS 140x160cm; + 4 khăn thấm 30x40cm; + 2 băng keo y tế 9x50cm, + 1 khăn tiếp cận 80x100cm; + 1 khăn chữ U thấm 200 x 300 cm và băng keo y tế xung quanh chữ U; + 1 khăn chữ U 160x230cm (có băng keo y tế quanh chữ U), + 1 khăn phủ ngang 160x260cm + 1 Bao chi dưới 28x85cm, làm từ vải bán thấm, vải 2 lớp, lớp bên trong thấm, lớp bên ngoài không thấm; + 1 Miếng làm sạch đầu dao, đầu dây 4.5cm x 4.5cm
15	PP2500526839	Bộ tiêm truyền thể tích đàn hồi điều chỉnh giọt tự động		Cái/Bộ	800	576.000.000	- Bơm đàn hồi tự động truyền thuốc hóa trị hay thuốc gây tê, thuốc giảm đau liên tục 48 giờ - Thể tích 250ml. Tốc độ truyền 5 ml/h - Vô cứng giúp không ảnh hưởng tốc độ dòng chảy khi bệnh nhân dễ cần. - Có vạch chia thể tích để theo dõi lượng thuốc đã được truyền vào bệnh nhân - Dây truyền làm bằng nhựa PVC không chứa DEHP. Thể tích mỗi dây rất nhỏ, thời gian mỗi nhanh: 32 giây - Bộ lọc khí và lọc hạt 0,2um. - Chứng nhận ISO 13485, CE - Tiệt trùng: EO (bao bì) - Van back-check ngăn chặn rò rỉ. - Có màng kỵ nước hydrophobic dưới khí tự động.
16	PP2500526840	Bơm tiêm 10ml đầu xoắn		Cái / cây	3.000	12.600.000	- Bơm tiêm không kim, đầu xoắn; - Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng, vạch chia bằng ml. - Đầu khóa vặn xoắn ở giữa, có thể gắn kim tiêm hay kết nối với sản phẩm khác (ống dây truyền dịch).. - Pitong làm bằng cao su tổng hợp không Latex có độ đàn hồi chịu nhiệt tốt. - Đóng gói vô khuẩn
17	PP2500526841	Bơm tiêm 1ml dành cho tiêm tiểu đường		Cái/ Chiếc	850	1.275.000	- Bơm tiêm tiểu đường, nhỏ. Tiệt trùng - Cỡ kim: 30Gx1/2 - Tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
18	PP2500526842	Bơm tiêm 3ml đầu xoắn		Cái/ Chiếc/ Cây	2.000	7.560.000	- Bơm tiêm không kim, đầu xoắn; - Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng, vạch chia bằng ml. - Đầu khóa vặn xoắn ở giữa, có thể gắn kim tiêm hay kết nối với sản phẩm khác (ống dây truyền dịch).. - Pitong làm bằng cao su tổng hợp không Latex có độ đàn hồi chịu nhiệt tốt. - Đóng gói vô khuẩn
19	PP2500526843	Bơm tiêm truyền áp lực các loại 10ml	25 cái/ Hộp	Cái	1.000	70.000.000	- Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt để dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong. - Có đầu xoay luer loại Fixed Male hoặc Slip - Loại 10ml - Trên ống tiêm có thể hiện tên được in lên từng loại thuốc trên thân ống theo kích cỡ và màu sắc của ống, giúp giảm sai sót khi sử dụng thuốc. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu Âu) và FDA-Mỹ
20	PP2500526844	Bơm tiêm truyền áp lực các loại, các cỡ	25 cái/ Hộp	Cái	1.300	91.000.000	Bơm tiêm 1ml, 3ml - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt để dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Có đầu xoay luer loại Fixed Male hoặc Slip - Trên ống tiêm có thể hiện tên được in lên từng loại thuốc trên thân ống theo kích cỡ và màu sắc của ống, giúp giảm sai sót khi sử dụng thuốc. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu Âu) và FDA-Mỹ
21	PP2500526845	Bóng nong co thắt tâm vị		Cái/ Chiếc/ Bóng	10	95.000.000	- Đường kính: trong khoảng 3cm - 4cm - Chiều dài: trong khoảng 15cm - 20cm - Đường kính bóng khoảng 18 - 20 mm - Áp suất bóng khoảng 2 - 8 atm (30 - 120 psi) - Chiều dài catheter ≥ 180 cm - Đường kính catheter ≥ 7 Fr - Có dây dẫn - 3 mức bơm trong khoảng 12mm - 20mm - Tiệt khuẩn
22	PP2500526846	Bóng nong thực quản, tá tràng, đại trực tràng, đường kính bóng khoảng 18 - 20 mm		Cái	5	39.000.000	- Đường kính bóng khoảng 18 - 20 mm - Áp suất bóng khoảng 2 - 8 atm (30 - 120 psi) - Chiều dài catheter ≥ 180 cm - Đường kính catheter ≥ 7 Fr - Có dây dẫn - 3 mức bơm trong khoảng 12mm - 20mm - Tiệt khuẩn
23	PP2500526847	Cannula động mạch vành đầu rỗng các cỡ		Cái/ Chiếc	20	11.554.400	- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Cannula động mạch vành, đầu rỗng, với thiết kế thân bằng thép không gỉ, có khóa ở vị trí kết nối. - Các cỡ 10Fr, 12Fr, 14 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO, CE

STT	Mã phần (tô)	Tên phần lô	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Mô tả hàng hóa
24	PP2500526848	Cannula tĩnh mạch cảnh người lớn các cỡ		Cái/ Chiếc	5	63.000.000	- Cannula tĩnh mạch cảnh người lớn, thân linh hoạt, chống xoắn, thiết kế đầu nhọn. - Các cỡ cỡ 15Fr, 17 Fr, 19Fr, 21 Fr, 23Fr, 25Fr - Đầu nối 3/8" - Kèm bộ dụng cụ mở đường. - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn: ISO, CE
25	PP2500526849	Cannula tĩnh mạch đùi nhiều tầng các cỡ		Cái/ Chiếc	5	87.500.000	- Cannula tĩnh mạch đùi dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. - Chất liệu PVC và silicon. - Cỡ từ 19Fr- 21Fr- 25Fr (6.3 - 8.3 mm), với chiều dài đầu tip 23.6 in( 60cm), chiều dài tổng cộng 30in(76.2 cm), thành mỏng 0.48 mm, đầu nối 3/8(0.95 cm). - Cannula tĩnh mạch đùi có vòng lò xo chống xoắn, thành mỏng cho dòng chảy cao, đầu tip thích hợp cho kỹ thuật seldinger. kèm bộ kit can thiệp qua da. - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn: ISO, CE
26	PP2500526850	Cannula tĩnh mạch hai tầng các cỡ		Cái/ Chiếc	40	50.400.000	- Cannula tĩnh mạch hai tầng, thân được thiết kế chống xoắn. - Cỡ gồm: số 36/46 Fr; 32/40Fr - Co nối 1/2" hoặc 3/8" - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn: ISO, CE
27	PP2500526851	Cannula tĩnh mạch một tầng đầu thẳng các cỡ		Cái/ Chiếc	40	48.000.000	- Cannula tĩnh mạch một tầng đầu thẳng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. - Chất liệu chính PVC và silicon. - Kích thước chiều dài tổng cộng 30,5-38,1 cm, các cỡ từ 12Fr-40Fr, co nối 3/8( 9,525 mm) - Cannula tĩnh mạch một tầng, đầu thẳng, chống rạn, chống xoắn do có vòng lò xo gia cố, có đánh dấu độ sâu. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO, CE
28	PP2500526852	Catheter tạo đường truyền tĩnh mạch trung tâm từ ngoại biên		Bộ/ Cái/ Chiếc	60	108.000.000	- Catheter dùng cho trẻ sơ sinh ≤ 1kg. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PUR: + cỡ 1Fr + dài ≥ 20 cm + Tốc độ truyền dịch 0.7ml/phút + 01 kim dẫn đường cỡ 24G - Tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc FDA
29	PP2500526853	Catheter tĩnh mạch trung tâm đặt từ ngoại biên		Bộ/ Cái/ Chiếc	20	36.000.000	Catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi vào tĩnh mạch cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Đóng gói: - 1 catheter chất liệu PUR, chiều dài ≥ 30cm, cỡ 2Fr - 1 kim dẫn đường cỡ 20G - 1 thước đo - Tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc FDA - Xuất xứ: Các nước thuộc G7
30	PP2500526854	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp đơn sợi số 7/0, 2 kim tròn 3/8C dài 10mm		Tép/Sợi	100	15.225.500	- Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene, số 7/0, chỉ dài ≥ 75cm; - 2 kim tròn 3/8C, dài 10mm, kim phủ silicone; - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, EC, FDA
31	PP2500526855	Chỉ không tan đơn sợi số 5/0, 2 kim tròn 3/8C, dài 13mm		Tép/Sợi	300	41.575.200	- Chỉ 5/0 không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene, chỉ dài ≥ 75cm; - 2 kim tròn 3/8C, chất liệu thép không gỉ, dài 13mm, - Lực căng kéo nút thắt 7.16N; - Tiêu chuẩn ISO, CE (Châu Âu), hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)
32	PP2500526856	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Nylon số 7/0, kim tam giác 3/8C		Tép/Sợi	134	5.909.400	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Nylon số 7/0, dài ≥ 75 cm - Kim tam giác 3/8C, dài 13 mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)
33	PP2500526857	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 2/0, 2 kim thẳng dài 70mm		Tép/Sợi	350	46.060.000	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0, dài 75cm - 2 kim thẳng, dài 70mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)
34	PP2500526858	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 4/0, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C		Tép/Sợi	324	41.507.964	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 4/0, dài 90cm - Chất liệu: Polypropylene - 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C, dài 22mm, kim phủ silicone - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu) hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)
35	PP2500526859	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Silk 1/0, kim tròn, 1/2C, dài 26mm		Tép/Sợi	700	9.100.000	- Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Silk số 1/0 - Chiều dài chỉ 75 cm - Kim tròn 1/2C, dài 26 mm
36	PP2500526860	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đơn sợi không tiêu số 5/0, 2 kim tròn 1/2C, dài 11mm		Tép/Sợi	50	12.280.650	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 5/0, dài ≥ 60cm - Chất liệu: polypropylene - 2 kim tròn 1/2C, dài 11mm
37	PP2500526861	Chỉ tan cực chậm đơn sợi số 1, kim tròn 1/2C, dài 40mm		Tép/Sợi	1.200	206.653.200	- Chỉ tan cực chậm đơn sợi số 1, chỉ dài 90cm - Chất liệu Poly - 4 - hydroxybutyrate - Kim tròn 1/2 vòng tròn, kim tròn dài 40mm, làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. - Đóng gói tiệt trùng - Tiêu chuẩn FDA hoặc EC, ISO
38	PP2500526862	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi Glyconate số 4/0, kim hình thang dài 19mm		Tép/Sợi	100	11.653.400	- Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi Glyconate số 4/0, chỉ dài 45cm, - Chất liệu: Glyconate - Thân kim hình thang có khắc vi mô, đầu kim vi điểm dài 19mm, làm bằng thép không gỉ 300, phủ silicone. - Sức căng kéo giảm 50% sau 6-7 ngày, - Tan hoàn toàn sau từ 56 ngày. - Tiêu chuẩn FDA hoặc EC, ISO.
39	PP2500526863	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 3/0, kim tròn 1/2C 26mm		Tép/Sợi	1.562	99.968.000	- Chỉ tan tổng hợp, đa sợi số 3/0 dài ≥ 75cm - Chất liệu: Polyglactin 910 - Kim tròn đầu nhọn 1/2C dài 26mm, bằng thép không gỉ, kim được phủ silicon, sắc bén - Tiêu chuẩn CE, ISO, FDA
40	PP2500526864	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi có gai số 4/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm		Tép/Sợi	150	113.400.000	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 4/0 - Chất liệu: thành phần có chứa glycolide, có gai, một đầu có vòng không cần buộc. - Chiều dài chỉ 15cm và 30cm; - Tan hoàn toàn 90-110 ngày. - Kim tròn đầu tròn 1/2C dài 17mm, phủ Silicon - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO, FDA
41	PP2500526865	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 3/0, kim tròn 1/2C, dài 22mm		Tép/Sợi	4.250	415.148.500	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 3/0, chỉ dài ≥ 70cm - Chất liệu: Glyconate - Tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. - Kim tròn 1/2C dài 22mm, làm bằng thép không gỉ, phủ silicone; - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, EC (Châu Âu), hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)
42	PP2500526866	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 1/0 dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 40mm		Tép/Sợi	1.800	300.454.200	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 1/0, chỉ dài 90cm; - Chất liệu: Glyconate - Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. - Kim tròn 1/2C dài 40mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần lô	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Mô tả hàng hóa
43	PP2500526867	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 5/0, kim tròn 1/2C, dài 17mm		Tép/Sợi	200	19.536.400	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 5/0, chỉ dài 70cm; - Chất liệu: Glyconate - Kim tròn 1/2C, dài 17mm, phủ silicone. - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn ISO, CE (Châu Âu), hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)
44	PP2500526868	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn 1/2C, dài 70cm		Tép/Sợi	72	10.581.336	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, chỉ dài trong khoảng từ 70cm -90cm - Chất liệu: Glyconate - Tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. - Kim tròn 1/2C dài 13mm, làm bằng thép không gỉ, phủ silicone; - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)
45	PP2500526869	Chỉ thép điện cực đa sợi số 3/0, gồm 1 kim tròn 1/2C và 1 kim thẳng		Tép/Sợi	100	35.599.700	- Chỉ thép điện cực đa sợi, số 3/0, dài 60cm (đùng trong tạo nhịp tim), phủ PTFE poly hoặc FEP poly - Gồm 2 kim: 1 kim tròn đầu tròn 1/2C dài 17mm và 1 kim thẳng dài 88mm - Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc FDA.
46	PP2500526870	Đai Desault		Cái	200	12.000.000	- Chất liệu cotton hoặc vải không dệt, thông thoáng khí, dễ điều chỉnh, đảm bảo tính chắc chắn, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng - Bao gồm cả trái và phải
47	PP2500526871	Đầu col có lọc 10 -20 µL vô trùng		Hộp	110	16.500.000	- Đầu col có màng lọc 10µl - 20µl dùng cho xét nghiệm sinh học phân tử, huyết thanh - Chất liệu nhựa, có lọc, vô trùng - Chiều dài: trong khoảng 5cm-9cm
48	PP2500526872	Đầu col có lọc 200 µL vô trùng	96 cái /Hộp	Hộp	260	41.600.000	- Đầu col có màng lọc 200µl dùng cho xét nghiệm sinh học phân tử, huyết thanh - Chất liệu nhựa, có lọc, vô trùng - Chiều dài trong khoảng 5cm -9 cm
49	PP2500526873	Ống thông dạ dày		Cái/ Chiếc	3.160	11.060.000	- Có cân quang đọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp. - Có vạch đánh dấu chiều dài trên thân ống - Có từ 2 đến 4 mắt phụ (2 đến 4 lỗ) - Các số: 6FR, 8FR, 10FR, 12FR, 14FR, 16FR - Tiết trùng.
50	PP2500526874	Dây garo		Cái	435	913.500	Chất liệu: có chứa sợi cotton
51	PP2500526875	Dây oxy 1 nhánh 8Fr		Sợi	300	705.600	- Chất liệu nhựa y tế, mềm dẻo và trơn láng, phù hợp với việc dẫn khí oxy cung cấp cho bệnh nhân - Chiều dài: 40cm - Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ từng cái. - Cỡ 8Fr
52	PP2500526876	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật nhãn khoa 2%		Cái / Ống	400	100.000.000	- Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật nhãn khoa 2% - Thành phần Hydroxypropyl methylcellulose nồng độ 2% - Thể tích ống 2ml - Độ nhớt: 4.500 - 5.500 mPa.s - Độ thẩm thấu: 250-400 mOsm/kg - Trọng lượng phân tử >80.000 daltons - Độ pH: 6.8 - 7.4 - Khử trùng bằng khí EO
53	PP2500526877	Dụng cụ pha thuốc		Cái	50	1.450.000	Dụng cụ dùng để pha thuốc, rút thuốc nhiều lần. Có 2 màng lọc: lọc không khí và lọc tiểu phân - Có van một chiều - Tiêu chuẩn: ISO, EC
54	PP2500526878	Gạc dẫn lưu tiệt trùng 1cm x 200cm x 4 lớp		Cuộn	6.060	19.549.560	- Chất liệu vải không dệt, thấm hút tốt; - Kích thước: 1cmx200cm, dày 4 lớp và được cuộn lại thành cuộn - Đóng gói tiệt khuẩn
55	PP2500526879	Gạc đặt xung quanh ống mở khí quản		Miếng	550	5.775.000	- Cấu tạo gồm 3 lớp: + Lớp tiếp xúc với vết thương bằng sợi phủ nhôm, tạo độ nhẵn bóng, không dính vết thương, giúp dịch tiết nhanh chóng thấm vào lớp thứ 2. + Lớp thứ 2 hút dịch tiết và giữ lại. + Lớp thứ 3 là lớp vật liệu mỏng không dệt, tạo độ thoáng và thoát hơi - Dùng cho ống mở khí quản có đường kính ống là 12 - 19mm (31 - 50Fr). - Kích thước gạc: 8x9 cm - Vô trùng
56	PP2500526880	Gạc thấm dịch ruột thừa có cân quang		Miếng	10.000	12.840.000	- Gạc thấm dịch ruột thừa có cân quang - Chất liệu: vải không dệt, thấm nước tốt - Kích thước: 2cm x 25cm (±5cm), dày 6 lớp - Có định sợi cân quang bên trong miếng gạc.
57	PP2500526881	Găng phẫu thuật tiệt trùng các cỡ		Đôi	396.130	3.010.588.000	Chất liệu: Chế tạo từ latex cao su tự nhiên Có phủ lớp bột. Hàm lượng bột đạt tiêu chuẩn USP và FDA. Kích thước: Size Từ 6.0 đến 7.5 - Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: ≥ 12,5N, Sau lão hóa: ≥ 9,5N. - Độ giãn đứt: Trước lão hóa: ≥ 700%, Sau lão hóa: ≥ 550%. - Đóng gói: 1 đôi/gói, tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016: ISO 10282:2014
58	PP2500526882	Dây giúp thở		Cái / Bộ	30	14.742.000	- Chất liệu PVC y tế - Dài ống 1.2 - 1.8m, ống gọn sóng - Túi trữ 2L và van APL người lớn - Đóng gói vô trùng
59	PP2500526883	Keo sinh học và mạch máu và màng não 5ml		Tuýp	5	45.600.000	-Thành phần: Là loại protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%). - Thể tích: 5ml - Đóng gói tiệt trùng, bao gồm 1 tuýp 5ml keo và 4 đầu bơm keo
60	PP2500526884	Khăn phẫu thuật có lỗ		Cái / Bộ	8.930	21.976.730	- Khăn lỗ chất liệu vải không dệt, 43gsm (± 3gsm) - Kích thước 50x50cm - Lỗ hình tròn - Tiệt khuẩn từng cái
61	PP2500526885	Khẩu trang N95		Cái	2.960	24.103.280	- Khẩu trang N95, không van - Vật liệu lọc an toàn hiệu quả và thiết kế tiện dụng - Có lớp Carbon hoạt tính chống mùi, chống bụi, phòng độc dùng một lần an toàn vượt trội. - Có kẹp mũi. - Kháng nước - Dây nịt đầu đàn hồi dễ điều chỉnh
62	PP2500526886	Kim chọc hút tủy xương		Cái	205	67.649.795	- Kim chọc hút tủy xương dùng một lần - Cỡ kim: 16G - Có nút xoay điều chỉnh độ sâu - Có thang vạch trên thân kim - Đầu kim cannula được mài sắc kiểu 3 cạnh - Đầu nối Luer chuẩn kết nối với xvlanh
63	PP2500526887	Kim luồn tĩnh mạch cao cấp		Cái	2.330	16.307.670	- Kim luồn loại không cánh, không cửa. - Catheter bằng chất liệu PTFE. - Khoang chứa máu trong suốt - Đóng gói tiệt trùng từng cái - Tiêu chuẩn ISO

STT	Mã phân (tô)	Tên phần lô	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Mô tả hàng hóa
64	PP2500526888	Kim dùng cho buồng tiêm dưới da		Cái	700	65.830.800	- Kim không có lõi: Xử lý đặc biệt đầu kim để tránh tắc kim, chất liệu SUS 304 - Đầu nối Luer lock, dây nối dài 100mm. Khóa áp lực ngăn máu chảy ngược. - Kim 20G (màu vàng), 22G (màu đen) dài 19mm/25mm. - Đường kính kim: + 20G (0.90 mm) + 22G (0.70 mm) - Lực xuyên nhỏ 0,2-0.4 kgf, phủ silicone ít đau và ít tổn thương. Chịu áp lực 300PSI - Đầu bảo vệ an toàn kích hoạt nhẹ nhàng. Có tiếng "click" hoặc cảm nhận xúc giác - Màu sắc chỉ báo khóa an toàn - Dễ cố định, hệ thống kín, nhỏ gọn - Không Latex, không DEHP - Tiết trùng
65	PP2500526889	Kim luồn có cánh, không cửa 24G		Cái	12.550	200.172.500	- Chứng nhận ISO, FDA Kim luồn tĩnh mạch có đầu bảo vệ bằng kim loại. - Đầu kim được thiết kế với 3 mặt vát giúp đạt được độ bền tối đa. - Chất liệu: + Một đầu được làm từ Catheter nhựa. + Kim làm từ chất liệu FEP - Kim luồn có cánh, không cửa - Đường kính: 0.7mm - Chiều dài kim: ≥ 19mm - Kích cỡ : 24G - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE
66	PP2500526890	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh có cổng tiêm thuốc.		Cái	159.330	2.541.313.500	- Kích thước: 18G, 20G, 22G, 24G - Đầu an toàn bằng thép không gỉ. Ống thông FEP hoặc PUR có 4 vạch cân quang, phủ silicon. Kim bằng thép không gỉ. Kim có thiết kế 3 mặt vát. Thân kim được làm từ nhựa y tế. Ống lót bằng nhựa y tế. Buồng chặn có màng vi lọc kháng nước. - Thời gian lưu kim ≥ 72 giờ. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA
67	PP2500526891	Kim luồn tĩnh mạch không cánh, không cổng		Cây	200	21.000.000	Kim luồn tĩnh mạch không cánh, không cổng, dùng chọc dò ổ bụng - Chất liệu: FEP polymer, DEHP free - Kích cỡ 16G, chiều dài 5.25 in - Đường kính ngoài 1.7 mm, Chiều dài catheter 133 mm - Dòng chảy 108 ml/mm - Vô trùng - Đạt chứng nhận ISO hoặc CE
68	PP2500526892	Kim sinh thiết (phụ kiện sử dụng cho máy sinh thiết chân không vú). Kích thước 8G		Cái	25	200.000.000	- Dùng 1 lần cho điều trị 1 khối u - Kích thước kim: 8G - Kiểu: mũi vát, - Chất liệu thép không gỉ, vỏ ngoài và vật liệu bên trong bằng nhựa ABS, PC và silicon - Chiều dài: 360mm - 400mm - Chiều dài mũi kim: 100mm - 120mm. - Tiết trùng
69	PP2500526893	Lọ vô trùng lấy mẫu		Lọ	10.470	14.804.580	- Lọ vô trùng dùng cho xét nghiệm nuôi cấy vi khuẩn - Chất liệu: nhựa y tế/Polypropylen/nhựa PS/nhựa PP nguyên sinh - Thể tích trong khoảng: 30ml- 60ml - Tiết trùng từng cái
70	PP2500526894	Lọc khuẩn làm ấm sơ sinh cao cấp		Cái	80	6.399.920	- Hiệu suất lọc vi khuẩn: ≥ 99.99% - Hiệu suất lọc vi rút: > 99.975% - Vật liệu màng lọc : Foam PU tinh điện tổng hợp/ Polypropylene - Tiết trùng từng cái
71	PP2500526895	Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch chủ đặt vĩnh viễn		Cái	10	315.000.000	- Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới không có tính sắt từ, tương thích MRI và dễ dàng quan sát dưới tia X. - Chiều dài 44 mm, độ mở rộng 42 mm thích hợp với tĩnh mạch có đường kính ≤ 35 mm. - Bộ dụng cụ bọc lọ tĩnh mạch gồm: kim chọc mạch, nối chữ Y, bơm tiêm 5 ml, dao mổ, dây dẫn đường ngắn dài 70 cm. - Dây dẫn đường chính dài 150 cm và 180 cm. Dụng cụ mở đường 7F có van cầm máu, nối chữ Y và khóa 3 ngã.
72	PP2500526896	Mạch máu nhân tạo chữ Y được tẩm nhuộm gelatin chiều dài 40cm		Cái	5	75.000.000	- Mạch máu chia đôi loại dệt kim được tẩm gelatin không aldehyde. - Đường kính 6mm - 12mm và 12mm - 24mm - Chiều dài 40cm
73	PP2500526897	Mạch máu nhân tạo chữ Y, chất liệu Polyester các cỡ		Cái	5	56.500.000	- Mạch máu nhân tạo chữ Y chất liệu Polyester đan bằng kỹ thuật dệt kim tăng khả năng chống vỡ và hạn chế phình. - Mạch máu nhân tạo được tẩm nhuộm gelatin, không sử dụng Aldehyde trong quá trình ngâm tẩm. - Đường kính: 12x6mm, 14x7mm, 16x8mm, 18x9mm, 20x10mm, 22x11mm, 24x12mm - Chiều dài 40cm hoặc 45 cm
74	PP2500526898	Mạch máu nhân tạo thẳng chất liệu Polyester chiều dài 15cm - 30cm		Cái	5	70.000.000	- Mạch máu dệt kim thẳng, cấu trúc nhung đôi, được tẩm gelatin không aldehyde - Đường kính 6mm- 36 mm - Chiều dài: Trong khoảng 15 cm - 30cm
75	PP2500526899	Mạch máu nhân tạo thẳng có vòng xoắn dài 50cm		Cái	5	60.000.000	- Mạch máu nhân tạo thẳng có thành chuẩn, có vòng xoắn, được sản xuất từ vật liệu Polytetrafluoroethylene bot. - Thêm lớp ePTFE bao ngoài hỗ trợ tăng cường duy trì mũi khâu và sức bung cao - Vòng xoắn ốc gia cố nhằm làm tăng khả năng chống lại sự dãn nở và gập gãy - Đường kính 6mm - Chiều dài 50 cm
76	PP2500526900	Miếng dán cầm biển		Miếng	100	23.000.000	Miếng dán cầm biển mức dịch dùng trong máy tìm phổi nhân tạo
77	PP2500526901	Miếng dán điện tim cho trẻ em		Miếng	700	1.778.700	- Điện cực có một mặt gel dẫn điện - Kích cỡ: Ø 30mm (±5mm)
78	PP2500526902	Nồng đặt nội khí quản Stylet các số		Cái	115	7.474.885	Nồng đặt nội khí quản Stylet - Chất liệu lõi nhôm phủ lớp nhựa mỏng bên ngoài, đầu bo tròn an toàn cho bệnh nhân. - Các cỡ : 6Fr, 10Fr, 14Fr
79	PP2500526903	Ống dẫn lưu đường mật các cỡ		Cái	200	4.670.000	- Ống thông có hình chữ T - Các cỡ
80	PP2500526904	Ống lấy máu xét nghiệm Hematocrit HCT		Ống/Lọ	320	16.000.000	Ống lấy máu làm xét nghiệm hematocrit - Chiều dài: 75mm - Đường kính trong: Trong khoảng 1.1 - 1.2 mm - Đường kính ngoài: Trong khoảng 1.5 - 1.6 mm - Chứa chất chống đông Na-heparin - Quy cách: 100 que/ ống (lọ)
81	PP2500526905	Ống lưu mẫu huyết thanh		Ống	7.000	9.072.000	Ống lưu mẫu huyết thanh nắp vạt - Nhựa PP y tế trong suốt, trung tính không phản ứng với hóa chất. - Thể tích trong khoảng 1.5ml - 2ml - Thành trom láng chống sự bám dính của mẫu bệnh phẩm. - Chịu được nhiệt độ lạnh đông và ly tâm theo tiêu chuẩn. - Dùng lưu mẫu và vận chuyển mẫu. - Tiết trùng bằng tia gamma / khí EO/ tia e-beam
82	PP2500526906	Ống nghiệm chân không EDTA 6ml		Ống	3.000	3.765.000	Ống nghiệm nắp tim lấy máu theo bộ hút chân không EDTA 6ml - Chứa chất chống đông/kháng đông

STT	Mã phần (lô)	Tên phần lô	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Mô tả hàng hóa
83	PP2500526907	Ống nội khí quản 2 nòng trái, phải, các cỡ		Cái / Bộ	50	79.999.500	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ống thông nội khí quản 2 nòng trái/phải có đầu đủ các cỡ: 28Fr, 32Fr, 35Fr, 37Fr, 39Fr, 41Fr;</li> <li>Đường kính bóng chèn khí quản khi bơm trong khoảng từ 25- 33mm, đảm bảo làm kín khí quản hiệu quả;</li> <li>Đường kính ngoài thân ống đoạn phế quản trong khoảng từ 9.0 - 12.0mm;</li> <li>Đường kính trong lòng ống đoạn phế quản trong khoảng 3.0 - 3.5mm;</li> <li>Chiều dài làm việc 330mm.</li> <li>Vật liệu: nhựa dẻo PVC trong suốt, không độc hại. Có vạch cân quang chạy dọc thân ống;</li> <li>Mỗi ống có 02 ống hút, 02 đầu nối xoay, 01 đầu nối chữ Y;</li> <li>Bóng khí quản và bóng phế quản được mã hóa màu để phân biệt;</li> <li>Đầu ống phế quản hơi cong;</li> <li>Bóng phế quản hình chữ S giúp tăng độ an toàn và chính xác khi đặt ống;</li> <li>Cây dẫn đường cung cấp theo ống hỗ trợ đặt nội khí quản;</li> <li>Bóng khí quản thể tích cao, áp lực/áp suất thấp giảm áp lực lên đường thở;</li> <li>Tiêu chuẩn ISO, CE.</li> </ul>
84	PP2500526908	Ống nội khí quản có hút dịch trên cuff		Cái / Bộ	200	75.999.800	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ống nội khí quản có hút dịch trên cuff:</li> <li>Nguyên liệu PVC trong suốt.</li> <li>Thời gian lưu tối đa 30 ngày</li> <li>Có đường cân quang để xác định vị trí chèn bằng X-quang</li> <li>Vạch đánh dấu đỏ sâu trên bóng giúp xác định chính xác vị trí đặt ống.</li> <li>Bóng thuôn, thể tích lớn áp lực thấp an toàn. Có lỗ hút đàm trên bóng.</li> <li>Dây hút đàm trong suốt.</li> <li>Áp lực hút 20mmHg</li> <li>Co nối tiêu chuẩn 15mm</li> <li>Đầu đủ kích cỡ</li> <li>Tiết trùng</li> </ul>
85	PP2500526909	Ống nội phế quản (trái, phải)		Cái / Bộ	10	15.999.900	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ống nội phế quản (trái, phải)</li> <li>Chất liệu được làm bằng silicon/PVC phủ silicon, thân ống mềm, dễ đưa vào nội khí quản.</li> <li>Đầu ống có lỗ xo tránh việc gặp đầu ống.</li> <li>Bóng chèn áp lực thấp giảm tổn thương bề mặt nội khí quản.</li> <li>Thân ống có gạch cân quang.</li> <li>Đường kính ID ống: số 32, số 35, số 37, số 39</li> <li>Đường kính minimum O.D ống: số 32, số 35, số 37, số 39</li> <li>Đi kèm 2 dây hút dịch, co nối, cây dẫn đường</li> </ul>
86	PP2500526910	Ống thông dẫn lưu màng phổi không nóng các cỡ		Cái	30	2.286.900	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ống thông dẫn lưu màng phổi không nóng các cỡ</li> <li>Chất liệu: Nhựa PVC, có tráng Silicon</li> <li>Có đường cân quang và đánh dấu chiều dài mỗi 2cm.</li> <li>Có co nối đi kèm tương thích các hệ thống hút.</li> </ul>
87	PP2500526911	Ống thông lấy huyết khối các cỡ		Cái	100	115.500.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ống thông lấy huyết khối các cỡ</li> <li>Đường kính các cỡ 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F.</li> <li>Chiều dài 40cm/60cm/80cm</li> <li>Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc FDA</li> </ul>
88	PP2500526912	Phễu nhân tạo tích hợp đa cấp cho người lớn và trẻ em		Cái/ Bộ	10	144.000.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phễu tích hợp lọc động mạch với màng lọc làm bằng polyester</li> <li>Lỗ màng lọc 32 micromet.</li> <li>Thể tích bình chứa máu: 1000ml - 4000ml.</li> <li>Kèm dây dẫn tuần hoàn ngoài cơ thể.</li> <li>Tiết trùng.</li> </ul>
89	PP2500526913	Quả lọc máu cho người lớn kèm dây dẫn		Quả	10	28.810.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quả lọc máu có cấu tạo bởi màng polyethersulfone có tính tương thích sinh học cao</li> <li>Lọc được các chất: urea, Creatine, Photphates, Vitamine B12</li> <li>Diện tích bề mặt khoảng 0.68m<sup>2</sup></li> <li>Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải</li> </ul>
90	PP2500526914	Quả lọc thận highflux		Quả	1.600	632.000.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quả lọc thận highflux</li> <li>Chất liệu: Polyethersulfone/ Polynephron/ Micro-undulated Polysulfone</li> <li>Diện tích màng 1.5m<sup>2</sup> / 1.6m<sup>2</sup></li> <li>Thể tích mỗi: ≤ 90ml</li> <li>Hệ số siêu lọc (KUF): Trong khoảng 50 - 65 ml/giờ/mmHg</li> <li>Áp lực xuyên màng (TMP): ≥ 500mmHg</li> <li>Vỏ quả lọc: Polypropylene/Polycarbonate</li> <li>Độ thanh thải (với Qb: 300 ml/min):</li> <li>+ Phosphate: ≥ 233 ml/min</li> <li>+ Creatinine: ≥ 250 ml/min</li> <li>+ Urea: ≥ 270 ml/min</li> <li>+ Inulin ≥ 115ml/min</li> <li>- Vitamin B12: ≥ 165 ml/min</li> <li>- β2 Microglobulin: ≥ 0.7</li> <li>- Albumin: &lt;0.002</li> <li>Tiết trùng bằng hơi nước /Tia Gamma</li> </ul>
91	PP2500526915	Que gòn xét nghiệm		Que	40.000	10.760.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Que gòn xét nghiệm</li> <li>Chất liệu: Bông xơ tự nhiên 100% cotton.</li> <li>Que 01 đầu gòn tiết trùng.</li> <li>Quy cách : 5 que/ gói</li> </ul>
92	PP2500526916	Que tán sỏi mật thủy lực		Que	5	31.000.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Que tán sỏi mật thủy lực</li> <li>Chiều dài dây 600 mm</li> <li>Tương thích với máy tán sỏi điện thủy lực</li> <li>Tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>
93	PP2500526917	Que thử có chỉ thị hóa học		Que	54.000	110.052.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Que thử có chỉ thị hóa học nhận dạng H2O2 tiết khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ plasma</li> <li>Tương thích với máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp H2O2 plasma STERRAD</li> <li>Nhà thầu cam kết sản phẩm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất, màu của chỉ thị thay đổi rõ rệt sau khi tiết khuẩn.</li> <li>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA, CE</li> </ul>
94	PP2500526918	Shunt động mạch vành		Cái	10	21.840.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Shunt động mạch vành dùng trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành</li> <li>Thân làm bằng chất liệu : Silicone mềm với đầu thuôn nhọn</li> <li>Đường kính lòng ống: 1.0mm - 3.0mm</li> </ul>
95	PP2500526919	Stent kim loại đại tràng		Cái	5	125.000.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu nitinol.</li> <li>Có thể thu hồi sau khi bung</li> <li>Đường kính thân stent 22mm/25mm/30mm</li> <li>Chiều dài stent trong khoảng 6mm-136mm</li> <li>Stent được lắp sẵn vào bộ đặt stent</li> <li>Bộ đặt stent đường kính: 10Fr/15Fr/18Fr</li> <li>Chiều dài bộ đặt stent: 95cm-&gt;230cm</li> <li>Guidewire tương thích 0.035 inch.</li> </ul>
96	PP2500526920	Stent kim loại tá tràng		Cái	5	115.000.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu nitinol.</li> <li>Có thể thu hồi sau khi bung</li> <li>Đường kính thân stent 20mm/22mm/25mm</li> <li>Chiều dài stent trong khoảng 6-12mm/82mm-135mm. Có đánh dấu cân quang</li> <li>Stent được lắp sẵn vào bộ đặt stent</li> <li>Bộ đặt stent: 10Fr/10,5Fr</li> <li>Guidewire tương thích 0.035 inch.</li> </ul>
97	PP2500526921	Tấm bông rây tai		Gói	584	5.022.400	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: Bông xơ tự nhiên 100% cotton, màu trắng đồng nhất, không dùng chất tạo màu.</li> <li>Que 02 đầu gòn tiết trùng.</li> </ul>
98	PP2500526922	Tấm lót bệnh phẩm	≥ 500 miếng / Túi	Túi	10	6.000.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dùng để lót bệnh phẩm.</li> <li>Kích thước: Chiều dài: 30 mm (± 3 mm); Chiều rộng: 25 mm (± 3 mm)</li> </ul>

STT	Mã phần (lô)	Tên phần lô	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Mô tả hàng hóa
99	PP2500526923	Thông tiểu 2 nhánh phủ silicon các cỡ		Cái	8.220	205.491.780	- Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon - Thành ống dày chống gãy, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, - Bông cân đối có 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. - Kích thước bông: 5 - 45ml (tùy mỗi size) - Chiều dài 40 cm - Các số: 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26
100	PP2500526924	Túi hậu môn nhân tạo		Cái	220	9.020.000	- Loại 1 mảnh, túi xả, kèm đế đàn túi, có khóa mỗi túi. - Chất liệu mềm, thấm mồ hôi. - Có lọc khí chống mùi
101	PP2500526925	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh có đế		Cái	70	7.349.930	- Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh có đế phẳng - Chất liệu túi polyethylene microfibers - Đế phẳng chất liệu làm từ hydrocolloid bảo vệ da. - Kích thước đế 132 mm x 116 mm. - Đế có vòng cắt 15-50mm. - Đế có vòng khớp nối để gắn túi với 1 trong 3 chốt an toàn cho phép cố định túi theo nhiều vị trí. - Sản phẩm không chứa latex/PVC, không chứa phthalate/(DEHP).
102	PP2500526926	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh không đế		Cái	50	2.749.950	- Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh màu nâu - Chất liệu polyethylene microfibers - Túi có tích hợp thanh lọc khí chứa than hoạt tính - Túi xả có tích hợp khóa cuộn - Miệng xả của túi rộng 7cm. - Kích cỡ 29cmx14.5cm - Dung tích 615ml. - Không chứa latex / PVC không chứa phthalate / (DEHP). - Tiêu chuẩn ISO 13485
103	PP2500526927	Túi truyền áp lực cao		Cái	10	6.000.000	Dùng để bơm dịch truyền, máu tốc độ nhanh Khóa 3 đường (ngã) để sử dụng, kín, chống thoát khí Hiện thực mức áp lực Chất liệu bao chắc chắn, bền, dễ vệ sinh, mặt sau bao để quan sát hiện trạng mức dịch/ máu Tiêu chuẩn CE, ISO 13485
104	PP2500526928	Vật liệu cầm máu tự tiêu 7cmx5cmx1cm		Miếng	1.220	76.858.780	- Miếng cầm máu bằng gelatin dạng bột xốp tiết trùng, - Kích thước 7cm x 5cm x 1cm. - Độ phồng sau khi thấm hút >= 40 lần so kích thước sản phẩm. - Tự tiêu hoàn toàn: trong khoảng thời gian từ 3-6 tuần - Tiết trùng
105	PP2500526929	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp		Miếng	500	212.000.000	- Vật liệu cầm máu dạng bông nhiều lớp - Kích thước: (2,5 x 5,0 cm) ± 5% - Chất liệu sợi rayon cellulose thực vật được oxi hóa tái tổ hợp - Tự tiêu sau 7-14 ngày. - Hiệu quả cầm máu nhanh ≤ 2 phút. - Đạt tiêu chuẩn: CE, ISO
106	PP2500526930	Vòng bảo vệ da chống loét		Cái	10	716.100	Vòng bảo vệ da chống loét - Là sự kết hợp hydrocolloid và dịch kết dính, sau đó được liên kết lại bằng siêu sợi. - Vòng mềm dẻo, dính tốt vào da bị viêm, ngăn ngừa dịch tiêu hóa tiếp xúc với da bị viêm. - Kích cỡ: 98 mm
107	PP2500526931	Băng dán vết thương 15cm x 20 cm		Miếng/ Cái/ Chiếc	250	7.000.000	- Hấp thụ dịch tốt - Có lớp film Polyurethane thông thoáng, không thấm nước, chống vi khuẩn và vi rút, có viền băng keo, vô trùng - Kích thước: 15x20 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC (Tiêu chuẩn Châu Âu)
108	PP2500526932	Kim sinh thiết tủy xương		Cái	100	46.999.000	- Kim sinh thiết tủy xương dùng 1 lần - Cỡ kim: 8G - Chiều dài kim 100 mm - Kim được làm bằng thép không rỉ, đầu vát, có đánh dấu chiều sâu thâm nhập ( mỗi vạch 1cm) - Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA hoặc ISO 13485
109	PP2500526933	Dây cố định canuyn mở khí quản		Cái	100	8.999.900	Được dùng để cố định ống mở khí quản đúng vị trí - Chất liệu: vải xốp, dệt 02 lớp mềm mại nhằm giảm trầy xước và kích ứng da người bệnh. - Thoáng khí và thấm hút được mồ hôi - Kích thước: 3.6 x 18cm (±10%) - Dây có miếng dính có thể điều chỉnh phù hợp chu vi vòng cổ
110	PP2500526934	Băng gạc dán vết mổ/ vết thương trong suốt Kích thước 9cm x 15 (±0.5%)		Miếng	600	12.000.000	Gạc gán băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 10cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate 10 - 15%, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 9 x 15cm (±0.5%) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt 15 - 25%, kích thước gạc (4-5) x 10cm - Đặc tính: Khả năng kháng vi khuẩn/virus với đường kính >27nm theo tiêu chuẩn ASTM F1671-1997, chống lại các vi sinh vật phổ rộng thường liên quan đến CRBSI theo tiêu chuẩn ASTM F1819-1998, ASTM F903-1999, hàng rào chống nước và dịch tiết theo tiêu chuẩn ASTM F1670 Có khung viền giấy - Tiết khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (CFR) và tiêu chuẩn sản xuất ISO
111	PP2500526935	Băng gạc dán vết mổ/ vết thương trong suốt Kích thước 9cm x 20cm (±0.5%)		Miếng	400	12.000.000	Gạc gán băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 20cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate 10 - 15%, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 9 x 20cm (±0.5%) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt 15 - 25%, kích thước gạc (4-5) x 15cm - Đặc tính: Khả năng kháng vi khuẩn/virus với đường kính >27nm theo tiêu chuẩn ASTM F1671-1997, chống lại các vi sinh vật phổ rộng thường liên quan đến CRBSI theo tiêu chuẩn ASTM F1819-1998, ASTM F903-1999, hàng rào chống nước và dịch tiết theo tiêu chuẩn ASTM F1670 Có khung viền giấy - Tiết khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (CFR) và tiêu chuẩn sản xuất ISO
112	PP2500526936	Băng gạc dán vết mổ/ vết thương trong suốt Kích thước 9cm x 25cm (±0.5%)		Miếng	200	7.200.000	Gạc gán băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 25cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate khoảng 10 - 15%, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 9 x 25cm (±0.5%) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt khoảng 15 - 25%, kích thước gạc (4-5) x 20cm - Đặc tính: Khả năng kháng vi khuẩn/virus với đường kính >27nm theo tiêu chuẩn ASTM F1671-1997, chống lại các vi sinh vật phổ rộng thường liên quan đến CRBSI theo tiêu chuẩn ASTM F1819-1998, ASTM F903-1999, hàng rào chống nước và dịch tiết theo tiêu chuẩn ASTM F1670 - Có khung viền giấy - Tiết khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (CFR) và tiêu chuẩn sản xuất ISO
113	PP2500526937	Dây dẫn đường Hydrophilic (dây dẫn đường dùng trong niệu quản)		Cái	100	201.600.000	- Kích thước: 0.032" dài 150cm. - Lõi thép không gỉ được bọc trong một dây phẳng dệt, được thiết kế đảm bảo hiệu quả cân bằng. - Thân sọc - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA (Hoa Kỳ)
114	PP2500526938	Ống thông niệu quản có vạch chia		Cái / Bộ	30	13.620.000	- Độ dài: 70 cm - Đường kính: F6, F7. - Chất liệu: Polyurethane/Percuflex phủ Hydrophilic - Vạch đánh dấu độ sâu - Đầu trơn nhỏ giúp tiếp cận đường tiết niệu không tổn thương - Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương

STT	Mã phần (lô)	Tên phần lô	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Mô tả hàng hóa
115	PP2500526939	Dây nối dài		Cái/sợi	4.000	31.724.000	Dây nối dùng cho bơm tiêm cân quang - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP - Chiều dài: 25cm hoặc 30cm - Kháng lực: $\geq 2$ bar - Đầu nối Luer Lock - Tiết trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE
116	PP2500526940	Kim chạy thận nhân tạo 17G		Cái/Cây	70.000	385.000.000	Kim chạy thận nhân tạo 17G - Kích thước 17Gx300mm, có thể xoay, có silicon bao phủ, có back eye. - Đường kính ngoài kim: $1.47 \pm 0.01$ mm - Chiều dài đầu kim: $42 \pm 0.5$ mm - Đường kính dây: $3.7 \times 5.5$ mm - Chiều dài dây: 300mm - Kim làm bằng thép không gỉ, ống bằng nhựa PVC y tế. - Thành kim mỏng và tráng Silicon để tăng sự bền - Mũi kim được xử lý để giảm đau và giảm tổn thương da - 1 kẹp khóa - Tiêu chuẩn EC và ISO
117	PP2500526941	Bông gòn dạng cuộn		Kg	48	7.371.168	Dạng cuộn - Chất liệu: 100% bông tự nhiên, màu trắng - Yêu cầu khi sử dụng: mềm, mịn, không để lại tơ gòn khi sử dụng trên người bệnh - Quy cách: 1kg/cuộn hoặc 1kg/gói
118	PP2500526942	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 4/0, kim tròn 1/2C, dài 22mm		Sợi / Tép	2.000	195.364.000	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 4/0, chỉ dài $\geq 70$ cm - Chất liệu: Glyconate - Tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. - Kim tròn 1/2C dài 22mm, làm bằng thép không gỉ, phủ silicone; - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, EC (Châu Âu), hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)
<b>TỔNG</b>						<b>15.349.600.078</b>	